BMSC
Together we strive, Together we win

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH
Date: 2025.04.17 17:51:11 +07'00'

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2024

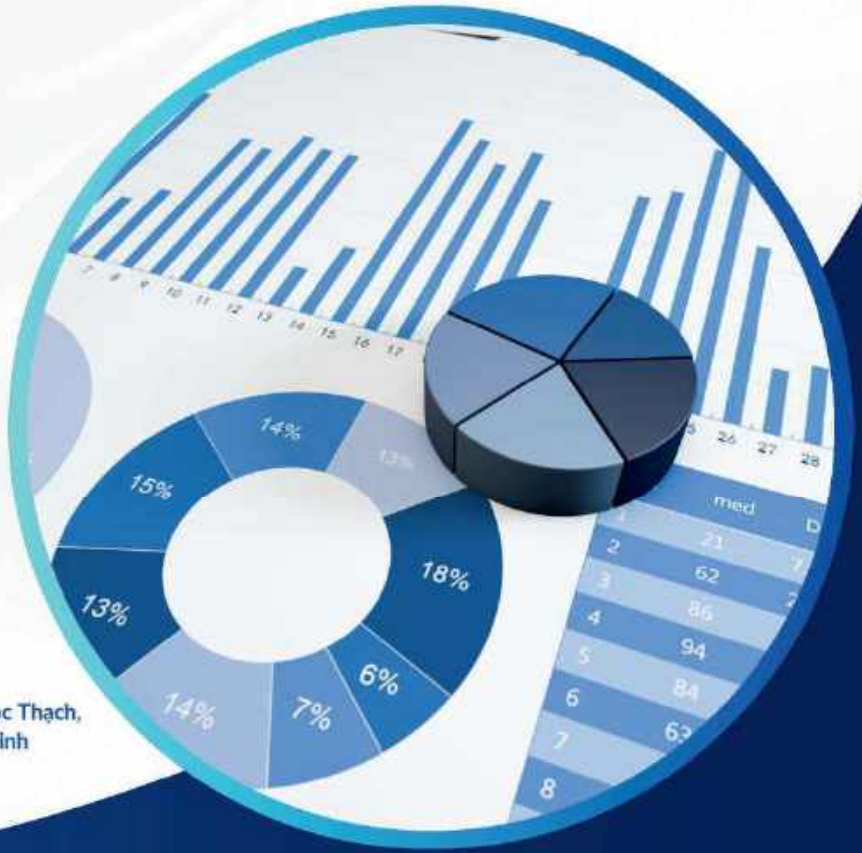

www.bmsc.com.vn
Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, số 34A Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

01
Thông tin chung

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về bộ máy quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

02
Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

03
Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến kiểm toán Báo cáo tài chính

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty

04
Đánh giá của Hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

05
Quản trị Công ty

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát

06
Báo cáo tài chính kiểm toán 2024

Báo cáo của Ban Điều hành

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

PHẦN

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về bộ máy quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

Thông tin khái quát

BMSC
Together we strive, Together we win

Mã cổ phiếu

BMS

Vốn điều lệ

711.114.250.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

864.524.009.650 đồng

Tên giao dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Giấy phép thành lập và hoạt động

Số 90/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/04/2008 và các Giấy phép điều chỉnh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0102727651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 21/04/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 25/09/2024

Địa chỉ

Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, Số 34A Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại

(84-28) 7306 8686

Số fax

(84-28) 3824 7436

Website

https://www.bmsc.com.vn/

Quá trình hình thành và phát triển

2008

Công ty chính thức hoạt động kinh doanh theo GP TL&HĐ số 90/UBCK-GP ngày 21/04/2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, với vốn điều lệ ban đầu là 300 tỷ đồng

2009

Ngày 31/12/2010, thực hiện chủ trương của HĐQT về định hướng phát triển lâu dài và toàn diện, Công ty đã chuyển trụ sở chính từ TP. Hà Nội vào TP. Hồ Chí Minh

2010

Công ty trở thành công ty đại chúng

2016

Công ty tăng vốn điều lệ lên đạt 500.000.000.000 đồng

Ngày 01/08/2008, Công ty nhận được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Ngày 12/05/2008, Công ty được chấp thuận trở thành thành viên lưu ký

2018

Công ty đã tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường để bầu HĐQT và BKS mới. Ban lãnh đạo đã thực hiện tái cấu trúc lại Công ty, thu hút và xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng, vạch ra các chiến lược phát triển mới và đang hướng tầm nhìn chiến lược dài hạn đến mô hình ngân hàng đầu tư hiện đại và năng động

2021

Công ty tăng vốn điều lệ lên đạt 609.893.750.000 đồng

Ngày 29/04/2022, Công ty được chấp thuận trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

2022

Công ty tăng vốn điều lệ lên đạt 569.999.860.000 đồng

Ngày 24/12/2021, Công ty được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng

2023

Công ty tăng vốn điều lệ lên đạt 646.476.130.000 đồng

2024

Công ty tăng vốn điều lệ lên đạt 711.114.250.000 đồng.

Ngày 23/01/2024, Công ty được chấp thuận trở thành thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Ngày 25/01/2024, Công ty được chấp thuận kết nối giao dịch thị trường trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Môi giới chứng khoán

- Dịch vụ môi giới chứng khoán và dịch vụ chứng khoán
- Quản lý tài khoản
- Quản lý cổ đông
- Phân phối chứng chỉ quỹ

Tự doanh chứng khoán

- Đầu tư trái phiếu chính phủ
- Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp
- Đầu tư cổ phiếu niêm yết
- Đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết

Bảo lãnh phát hành chứng khoán

- Phát hành cổ phiếu
- Phát hành trái phiếu
- Mua bán và sáp nhập (M&A)
- Thu xếp vốn

Tư vấn đầu tư chứng khoán

- Đánh giá, phân tích thị trường
- Tư vấn danh mục đầu tư
- Cập nhật thông tin thị trường

Địa bàn hoạt động

Hiện nay Công ty chỉ hoạt động tại trụ sở chính tại địa chỉ
Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, Số 34A Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Bộ máy quản trị, tổ chức kinh doanh và cơ cấu quản lý

Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ thông qua báo cáo tài chính hàng năm; thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư; thông qua bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Ban Kiểm soát; quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các quyền khác theo quy định Điều lệ và của pháp luật

Hội đồng quản trị

Do Đại hội đồng cổ đông bầu, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định

Hội đồng quản trị của Công ty bao gồm 05 thành viên, có nhiệm kỳ là 05 năm. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị nhất trí bầu ra

Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị bao gồm: Tiểu ban Kiểm toán nội bộ và Tiểu ban Quản trị rủi ro

Ban Kiểm soát

Do Đại hội đồng cổ đông bầu, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty và chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông. Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên, có nhiệm kỳ là 05 năm. Trưởng Ban Kiểm soát do các thành viên trong Ban nhất trí bầu ra

Ban Điều hành

Bao gồm 01 Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty

Sơ đồ mô hình quản trị và bộ máy quản lý của Công ty

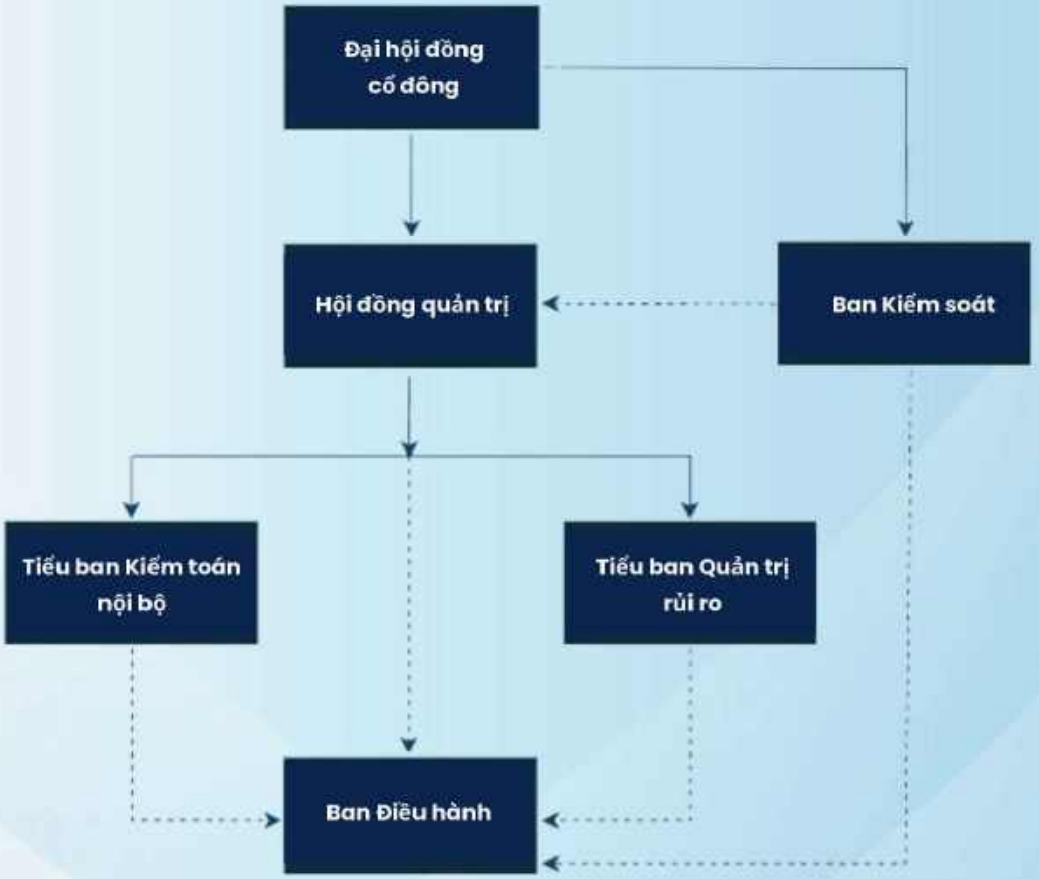

Nguồn: BMSC

Các Khối, Phòng/ban nghiệp vụ

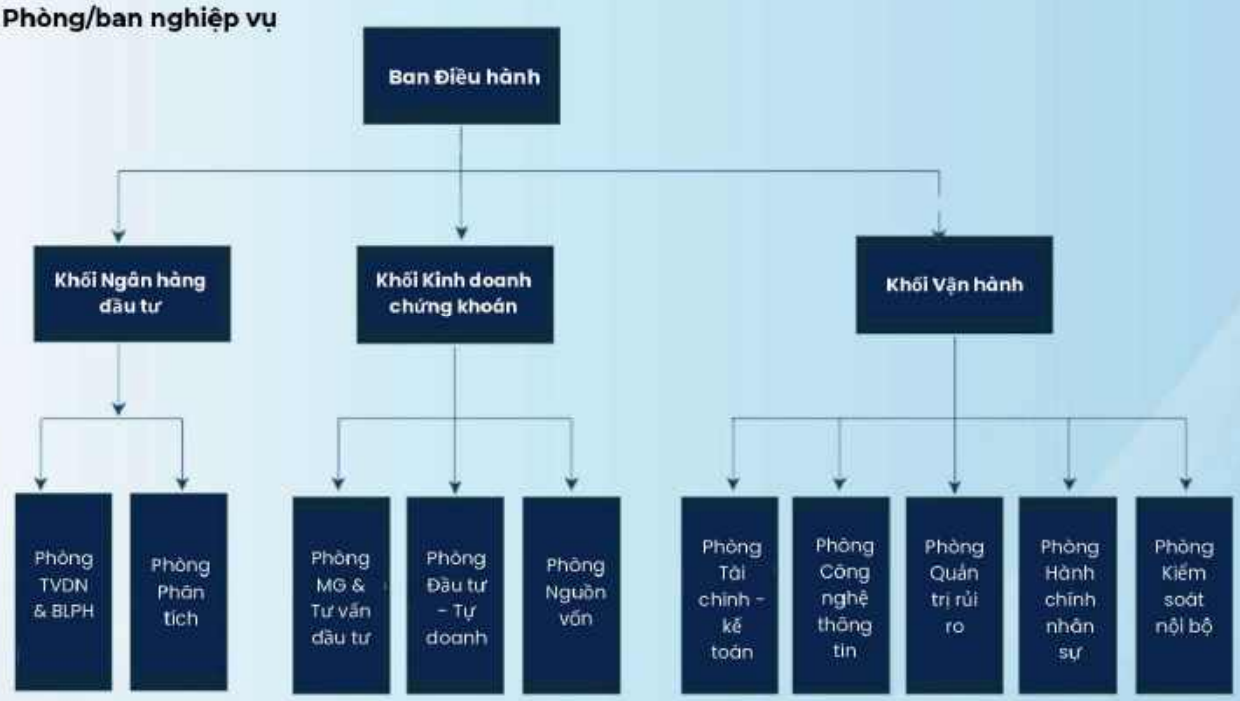

Các Khối, Phòng/ban nghiệp vụ chuyên môn có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Điều hành, trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn theo chỉ đạo của Ban Điều hành

- **Khối Ngân hàng Đầu tư** gồm: Phòng Tư vấn doanh nghiệp & Bảo lãnh phát hành, Phòng Phân tích
- **Khối Kinh doanh Chứng khoán** gồm: Phòng Môi giới & Tư vấn đầu tư, Phòng Đầu tư - Tự doanh, Phòng Nguồn vốn
- **Khối Vận hành** gồm: Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Công nghệ thông tin, Phòng Quản trị rủi ro, Phòng Kiểm soát nội bộ, Phòng Hành chính nhân sự

Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu

Về nguồn vốn

Với quy mô vốn hoạt động còn khiêm tốn so với các công ty cùng ngành, Công ty đặt mục tiêu tiếp tục tìm kiếm các kênh huy động tăng quy mô vốn điều lệ trong các năm tiếp theo. Bên cạnh đó, Công ty duy trì và phát triển mối quan hệ với các định chế tài chính trên thị trường để đa dạng hóa các nguồn vốn có thể tiếp cận nhằm hỗ trợ và phát triển các hoạt động kinh doanh

Về hoạt động kinh doanh

Mở rộng hoạt động mảng môi giới chứng khoán bằng việc (i) đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ tài chính cao cấp, (ii) mở rộng hoạt động cho vay margin, (iii) phát triển đội ngũ nhân viên kinh doanh. Công ty tiếp tục duy trì và phát triển các hoạt động tự doanh, tư vấn và bảo lãnh phát hành, tận dụng tuyệt đối những lợi thế đã xây dựng để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường

Về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin

Với chiến lược lấy khách hàng làm trung tâm, Công ty tập trung xây dựng các sản phẩm tối ưu, nâng cao trải nghiệm người dùng; đồng thời đảm bảo tuyệt đối an toàn thông tin, an toàn tài sản cho khách hàng cũng như tuân thủ các yêu cầu về quản lý của các cơ quan ban ngành

Về cơ cấu tổ chức và nhân sự

Công ty hoàn thiện cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, hợp lý giúp tối ưu hóa hiệu quả hoạt động. Công ty duy trì sự ổn định nhân sự tại các bộ phận, đẩy mạnh công tác đào tạo và khuyến khích, hỗ trợ nhân sự nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và kỹ năng quản lý nhằm nâng cao năng suất lao động và cải thiện chất lượng dịch vụ của Công ty

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

BMSC đặt mục tiêu trở thành Công ty Chứng khoán có vị thế trên thị trường chứng khoán Việt Nam, cung cấp các dịch vụ chất lượng cao với nền tảng giao dịch tiên tiến cùng đội ngũ nhân viên kinh nghiệm và tận tâm

Phát triển hoạt động môi giới

- Đầu tư vào công nghệ để cải thiện nền tảng giao dịch, mở rộng các sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ, từ đó nâng cao trải nghiệm người dùng
- Mở rộng thị phần thông qua việc tiếp cận những phân khúc khách hàng mới

Mở rộng hoạt động đầu tư và cung cấp các dịch vụ tài chính

- Tận dụng lợi thế từ việc tăng vốn để đẩy mạnh hoạt động tự doanh theo hướng bền vững và hiệu quả
- Nâng cao năng lực tư vấn doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành; phát triển các dịch vụ tài chính nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường

Xây dựng nền tảng hạ tầng vững chắc

- Đầu tư vào công nghệ thông tin, cải thiện hệ thống giao dịch và quản lý rủi ro
- Phát triển đội ngũ nhân sự chất lượng cao, tăng cường đào tạo chuyên sâu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh
- Củng cố nền tảng quản trị doanh nghiệp, hướng đến mô hình vận hành minh bạch và hiệu quả

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội, cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Nhận thức sâu sắc về trách nhiệm doanh nghiệp trong việc hài hòa giữa tăng trưởng kinh doanh và sự phát triển bền vững của cộng đồng, Công ty tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện, đồng hành cùng xã hội thông qua các chương trình tài trợ và đóng góp ý nghĩa. Với cam kết lâu dài, Công ty sẽ không ngừng mở rộng và đẩy mạnh những hoạt động này, góp phần tạo dựng một cộng đồng phát triển nhân văn và bền vững

Công ty hướng đến sự phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh bằng việc chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo và phát triển kỹ năng, tạo điều kiện để nhân viên phát huy tối đa năng lực. Công ty xây dựng môi trường làm việc thân thiện, hướng đến sự gắn kết và hạnh phúc của người lao động

Với những mục tiêu này, Công ty hướng đến sự phát triển lâu dài và góp phần xây dựng một cộng đồng văn minh, nơi doanh nghiệp và xã hội phát triển cùng nhau hài hòa và bền vững

Các rủi ro

Rủi to kinh tế

Về tăng trưởng kinh tế: Nhìn chung, kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ tăng trưởng ổn định nhưng dưới mức trung bình dài hạn, lạm phát toàn cầu có xu hướng giảm, thương mại toàn cầu phục hồi. Tuy vậy, thế giới cũng phải đối mặt với nhiều thách thức có thể kéo lùi đà tăng trưởng, từ sự gia tăng bất ổn địa chính trị, xu hướng bảo hộ thương mại, biến đổi khí hậu kéo theo các hiện tượng thời tiết cực đoan có thể đẩy lạm phát lên cao và kìm hãm đà tăng trưởng kinh tế toàn cầu

Sự thay đổi của bức tranh kinh tế toàn cầu cũng gây ra nhiều thách thức cho hoạt động kinh tế trong nước. Áp lực từ giá dầu, hàng hoá thế giới và biến động tỷ giá có thể ảnh hưởng tiêu cực đến xuất, nhập khẩu và sức mua; biến động kinh tế thế giới và xu thế bảo hộ thương mại của Mỹ và các nước lớn có thể tạo áp lực đối với các cơ hội tăng trưởng kinh tế Việt Nam; biến đổi khí hậu và già hoá dân số nhanh chóng đang là mối đe dọa tiềm tàng đối với sự ổn định tài chính vĩ mô của Việt Nam trong dài hạn

Về lạm phát: Mục tiêu ổn định giá cả của chính sách tiền tệ được dự báo phải đối mặt với nhiều thách thức. Xung đột quân sự, cạnh tranh thương mại giữa các nước lớn, hiện tượng thời tiết cực đoan, v.v. có thể tạo nên sự dứt gãy chuỗi cung ứng, làm gia tăng chi phí vận tải, tác động đến biến động giá các mặt hàng chiến lược trên thế giới và có thể gây ra một đợt lạm phát mới, đồng thời làm chậm tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu và tỷ lệ thất nghiệp có nguy cơ tăng cao trở lại

Ở trong nước, chi phí nguyên nhiên vật liệu sản xuất có thể tăng lên theo giá thế giới trong khi phải chịu thêm tác động từ biến động tỷ giá, ảnh hưởng đến chi phí, giá thành sản phẩm, tạo áp lực cho sản xuất của doanh nghiệp và từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước tăng lên và tạo áp lực lên lạm phát. Ngoài ra, các gói kích cầu, hạ mặt bằng lãi suất cho vay, mở rộng tín dụng, đẩy mạnh đầu tư công giúp tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nhưng cũng có thể tạo sức ép lên mặt bằng giá nếu nguồn cung tiền không được kiểm soát hợp lý

Về điều hành lãi suất, tỷ giá: Việc điều hành lãi suất và tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước được dự báo sẽ đối mặt với nhiều khó khăn khi các ngân hàng trung ương lớn có thể thay đổi quan điểm điều hành để đối phó với tình hình lạm phát đang gia tăng trở lại. Ngoài ra, việc đồng USD tăng giá trong thời gian qua và các lo ngại xung quanh việc Mỹ đưa Việt Nam vào danh sách giám sát thao túng tiền tệ cũng gây ra những thách thức nhất định cho công tác điều hành tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước, khiến dư địa cho chính sách tiền tệ hiện nay đang hẹp đi đáng kể

Dòng vốn nước ngoài trên thị trường chứng khoán có thể suy yếu đi khi biến động tỷ giá không được kiểm soát hiệu quả. Khi thị trường ngoại hối và nền kinh tế gặp bất lợi, các biến động tiêu cực có thể lan tỏa đến thị trường chứng khoán, từ đó gián tiếp tác động đến danh mục đầu tư và hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, rủi ro tỷ giá còn ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của khách hàng, làm gián đoạn dòng vốn vào thị trường

Rủi ro pháp luật

Rủi ro luật pháp là những rủi ro thay đổi chính sách theo hướng bất lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Rủi ro pháp luật còn là những rủi ro phát sinh việc áp dụng không kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình hoạt động của Công ty

Hoạt động của Công ty được giám sát bởi hệ thống các cơ quan nhà nước bao gồm: Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC), Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNX), Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC), Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh và một số ban ngành tại địa phương và được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật, các Nghị định và Thông tư hướng dẫn liên quan. Bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý liên quan đều có tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty

Trong giai đoạn vừa qua, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán liên tục được các cơ quan quản lý tích cực hoàn thiện nhằm tăng cường tính minh bạch, an toàn và hiệu quả. Luật Chứng khoán sửa đổi và các văn bản hướng dẫn đã được ban hành để phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế, đồng thời xử lý những hạn chế tồn tại trước đây. Trong bối cảnh khung pháp lý vẫn đang dần được cải tiến và hoàn thiện, để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu sát sao các thông tin pháp luật liên quan, phổ biến kịp thời các quy định thông tư mới, đồng thời tham mưu cho Ban Điều hành, các phòng ban trong việc xây dựng các quy chế, quy trình, ủy quyền phục vụ cho công tác quản trị điều hành. Công ty cũng đã ban hành các quy trình nghiệp vụ quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, các quy định, quy trình nghiệp vụ cụ thể cho từng phòng ban và từng cán bộ nhân viên trong Công ty, giúp hạn chế tối ta các rủi ro pháp luật có thể phát sinh

Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, hạn hán, bão lụt, động đất, dịch bệnh, hỏa hoạn, chiến tranh, hay biến động chính trị và xã hội. Những sự cố này có thể gây tổn thất nghiêm trọng đến tài sản, con người và làm gián đoạn quá trình vận hành của Công ty. Đồng thời, chúng cũng ảnh hưởng tiêu cực đến các thị trường tiềm năng, làm suy giảm lợi nhuận và tạo ra bất ổn trong nền kinh tế. Dù khả năng xảy ra các rủi ro này không cao, nhưng khi chúng xảy ra, hậu quả có thể rất lớn, làm suy yếu hoạt động kinh doanh và tác động đến tâm lý nhà đầu tư, khiến họ e ngại và làm giảm giá trị cổ phiếu trên thị trường. Nhằm hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty đã xây dựng các kịch bản ứng phó với khủng hoảng, đảm bảo khả năng thích nghi và giảm nhẹ những tác động tiêu cực từ các sự cố bất ngờ

Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh từ việc các khách hàng, đối tác của Công ty không thực hiện các nghĩa vụ nợ đã cam kết, dẫn tới tổn thất cho Công ty. Theo quy định hiện hành, công ty chứng khoán không được cho vay tiền, chứng khoán dưới mọi hình thức trừ trường hợp thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán. Do đó, rủi ro này chỉ phát sinh đối với khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng và các hoạt động cho vay ký quỹ

Đối với khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, BMSC quản trị rủi ro tín dụng bằng cách đánh giá chất lượng tín dụng của các tổ chức tín trước khi tiến hành giao dịch và định kỳ trong xuyên suốt quá trình sử dụng dịch vụ dựa trên việc đánh giá nhiều mặt như xếp hạng tín nhiệm, đánh giá tình hình tài chính và mức độ ổn định của các tổ chức tài chính, xem xét việc tuân thủ các quy định pháp luật về tỷ lệ vốn, v.v. Công ty chỉ thực hiện quyết định giao dịch với các tổ chức tín dụng có hoạt động minh bạch, ổn định và có chiến lược phát triển bền vững và đưa ra các đề xuất cung cấp dịch vụ ở mức chi phí hợp lý

Cho vay giao dịch ký quỹ là hoạt động cho vay dựa trên tài sản bảo đảm là danh mục chứng khoán của khách hàng đang sở hữu mà được BMSC chấp nhận cho vay giao dịch ký quỹ phù hợp với quy định của pháp luật. Rủi ro tín dụng phát sinh khi Công ty không thể thu hồi đủ nợ sau khi đã xử lý toàn bộ tài sản đảm bảo của khách hàng, hoặc không thể xử lý tài sản đảm bảo do chứng khoán mất thanh khoản và giá giảm sâu, hoặc bị hủy niêm yết, hoặc khách hàng không bổ sung đủ tài sản đảm bảo. Hiện nay, Công ty chỉ duy trì hạn mức cho vay ký quỹ không đáng kể trong tổng tài sản. Tuy nhiên, trong tương lai, với định hướng phát triển nghiệp vụ môi giới chứng khoán, Công ty dự kiến sẽ phân bổ thêm nguồn lực để mở rộng doanh số cho vay ký quỹ cũng như danh mục ký quỹ. Do đó, Công ty xác định quản trị rủi ro tín dụng cho hoạt động cho vay ký quỹ là yêu cầu mang tính bắt buộc trong tổng thể chiến lược phát triển dài hạn của Công ty

Để giảm thiểu rủi ro này, BMSC thực hiện đồng thời các biện pháp:

- Xây dựng hạn mức cho vay phù hợp theo đối tượng khách hàng
- Phân tích, đánh giá biến động giá, thanh khoản cổ phiếu dựa trên báo cáo phân tích tình hình tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp
- Báo cáo theo dõi tài sản bảo đảm hằng ngày, theo dõi các biến động bất thường để có hướng xử lý kịp thời
- Giám sát dư nợ theo khách hàng, theo mã cổ phiếu

Hoạt động đầu tư trái phiếu gắn liền với rủi ro tổ chức phát hành trái phiếu mất khả năng thanh toán khi đến hạn, hoặc tổ chức phát hành phát sinh yếu tố làm trái phiếu có nguy cơ mất thanh khoản. Để hạn chế các rủi ro này, BMSC thực hiện đánh giá trước khi thực hiện các khoản đầu tư

Rủi ro thị trường

Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp từ rủi ro thị trường bao gồm: các hoạt động tự doanh (đầu tư trái phiếu, cổ phiếu) và hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ. Doanh thu và lợi nhuận của Công ty từ các hoạt động này có thể bị ảnh hưởng bởi những biến động về điều kiện thị trường do tình hình kinh tế, chính trị; những thay đổi về pháp lý, chính sách quản lý vĩ mô của Nhà nước hoặc của các nước liên quan, chính sách giám sát hành chính hoặc có thể là do những yếu tố ngoài tầm kiểm soát khác như dịch bệnh, thảm họa tự nhiên

Công ty quản lý rủi ro bằng cách lựa chọn các khoản đầu tư có tiềm năng tăng trưởng ổn định và dài hạn, đồng thời tuân thủ các quy định chặt chẽ về hạn chế đầu tư. Bộ phận Phân tích theo dõi, đánh giá và đưa ra khuyến nghị nhằm đảm bảo danh mục đầu tư hiệu quả và trong phạm vi cho phép. Bộ phận kiểm soát rủi ro đánh giá và thiết lập các hạn chế đầu tư để hỗ trợ cho các bộ phận kịp thời nhận diện và quản lý rủi ro, bao gồm các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng các quy định về hạn mức cho vay, danh mục đầu tư và chính sách quản lý rủi ro. Việc này giúp đảm bảo tính minh bạch và độc lập khách quan trong hoạt động kinh doanh của Công ty

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi BMSC mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán một phần hoặc toàn bộ các khoản nợ đến hạn, không đáp ứng được nhu cầu thanh toán tiền mua chứng khoán của nhà đầu tư sử dụng vốn vay ký quỹ (margin), và chậm trễ hoặc không đáp ứng được yêu cầu trong hoạt động thanh toán cho nhà đầu tư một cách nhanh chóng, an toàn và tiết kiệm chi phí nhất

Đối với rủi ro này, BMSC luôn thực hiện việc kiểm soát chặt chẽ bằng các hoạt động sau:

- Xây dựng kế hoạch nguồn vốn hằng năm cho từng hoạt động, nghiệp vụ
- Xác định hạn mức rủi ro cho từng hoạt động
- Theo dõi thanh khoản của tài sản để có thể xử lý kịp thời
- Duy trì hạn mức thấu chi tại các ngân hàng đối tác
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định chỉ tiêu an toàn tài chính

Rủi ro nhân lực

Thị trường chứng khoán hiện nay là một ngành đang phát triển nhanh và có nhiều tiềm năng, mang đến nhiều cơ hội cũng như thách thức cho lực lượng lao động trong thị trường. Rủi ro nhân sự trong ngành chứng khoán là một thách thức đáng chú ý cho tính chất đặc thù của lĩnh vực này, nơi yêu cầu cao về kỹ năng chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và khả năng ra quyết định nhanh chóng trong môi trường biến động liên tục. Các rủi ro thường gặp có thể bao gồm việc thiếu hụt nhân sự chất lượng cao, cạnh tranh lôi kéo nhân sự giữa các công ty chứng khoán, hoặc các rủi ro vi phạm đạo đức như giao dịch nội gián, thao túng thị trường

Nguồn lực con người là một trong những yếu tố cốt lõi của Công ty. Đội ngũ nhân sự [illegible] mang lại lợi thế cạnh tranh và giá trị vượt trội cho doanh nghiệp. BMSC chú trọng vào công [illegible] đào tạo kỹ năng, kiến thức chuyên môn cho đội ngũ nhân viên, không ngừng nâng cao năng lực và [illegible] đức nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu và sự biến động không ngừng của ngành và thị trường

Với mục tiêu giữ chân và thu hút các nhân sự chất lượng cao trên thị trường, Công ty xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá năng lực theo từng cấp độ nhân sự dựa trên bộ các chỉ tiêu về kết quả công việc, thời gian làm việc, tiêu chuẩn về bằng cấp chuyên môn, các kỹ năng khác, v.v. nhằm tạo ra môi trường làm việc công bằng và minh bạch. Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động phong trào, tập thể nhằm xây dựng văn hoá doanh nghiệp đoàn kết, lành mạnh

Rủi ro tuân thủ

rủi ro về tuân thủ các quy định bao gồm vi phạm các quy định của Pháp luật và các quy định đặc thù ngành. Rủi ro này xảy ra có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng, bao gồm xử phạt từ cơ quan quản lý, mất uy tín với khách hàng, và thiệt hại tài chính trực tiếp cho Công ty. Ngoài ra, sự phức tạp ngày càng tăng của các quy định và yêu cầu pháp lý trong lĩnh vực tài chính khiến rủi ro này trở nên khó kiểm soát hơn. Để hạn chế rủi ro này, Công ty thường xuyên theo dõi và phổ biến kịp thời các thay đổi về luật pháp, quy định ngành. Bên cạnh đó, Công ty còn hợp tác chặt chẽ với các chuyên gia pháp lý và cơ quan quản lý để giải quyết các vấn đề phức tạp và tuân thủ yêu cầu kiểm tra định kỳ. Việc quản lý các hợp đồng, biểu mẫu thông qua rà soát kỹ lưỡng và lưu trữ hệ thống hồ sơ pháp lý cũng là cách bảo vệ quyền lợi và là trách nhiệm của Công ty

Các rủi ro về tuân thủ các quy trình bao gồm vi phạm nguyên tắc kinh doanh, lỗi giao dịch do làm sai quy trình gây thiệt hại về tài sản, uy tín và ảnh hưởng đến hình ảnh của Công ty

Nhận thức được những rủi ro liên quan, BMSC luôn chú trọng xây dựng các nguyên tắc và quy trình chặt chẽ trong hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng cũng như quản lý vận hành nội bộ. Công ty không ngừng giám sát và đánh giá hiệu quả triển khai để đảm bảo các quy trình được thực hiện đúng đắn, nhất quán. Để phòng ngừa rủi ro, BMSC áp dụng nhiều biện pháp hiệu quả, bao gồm xây dựng bộ máy hoạt động có sự kiểm tra chéo giữa các bộ phận, thiết lập hệ thống giám sát nội bộ chuyên nghiệp và minh bạch, đồng thời áp dụng các hình thức kỷ luật nghiêm khắc đối với các hành vi vi phạm. Những nỗ lực này giúp BMSC không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý mà còn duy trì sự tin tưởng và hài lòng của khách hàng

PHẦN

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và Đánh giá của Ban Điều hành

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2024

Kinh tế Việt Nam năm 2024

Kinh tế tăng trưởng vượt chỉ tiêu

Năm 2024, kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng ấn tượng với GDP tăng 7,09% so với năm trước, vượt chỉ tiêu 6,5% - 7% của Quốc Hội đề ra. Động lực chính đến từ hoạt động thương mại xuất khẩu hàng hóa với kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 405,5 tỷ USD, tăng 14,3% so với năm trước. Sản xuất công nghiệp ghi nhận mức tăng trưởng khả quan 8,4%, PMI bình quân đạt 51,1 điểm. Tiêu dùng và đầu tư tư nhân phục hồi ở mức độ chậm, tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ ước đạt 9,0% so với cùng kỳ. Đặc biệt, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thực hiện đạt 25,4 tỷ USD, mức cao nhất từ trước đến nay

Tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm (%)
Nguồn: Tổng Cục thống kê Việt Nam

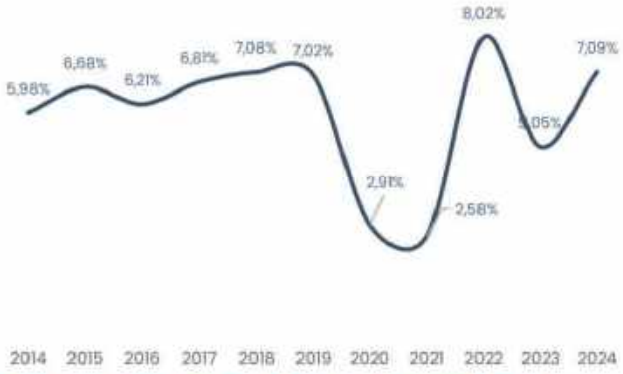

Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (%)
Nguồn: Tổng Cục thống kê Việt Nam

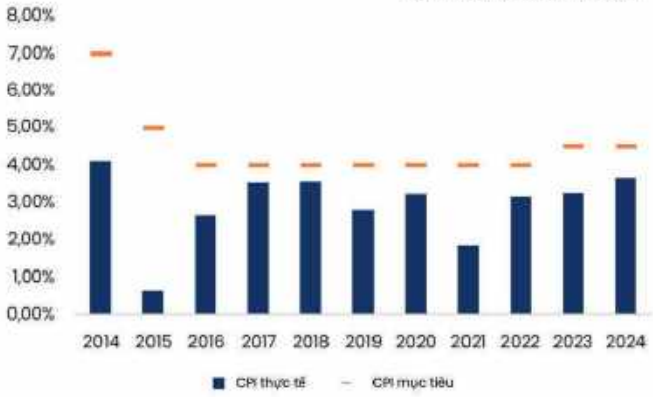

Chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt , hỗ trợ nền kinh tế

Năm 2024, NHNN định hướng chính sách tiền tệ theo hướng nới lỏng, đồng thời điều hành linh hoạt để thích ứng với tình hình kinh tế trong nước và quốc tế

- *Về điều hành lãi suất*, việc nới lỏng chính sách tiền tệ kết hợp với FED hạ lãi suất, NHNN đã duy trì mặt bằng lãi suất ở mức thấp trong suốt năm 2024. Tính đến tháng 12/2024, mặt bằng lãi suất cho vay giảm trung bình khoảng 0,96% so với năm 2023
- *Về điều hành tỷ giá*, NHNN chủ động ứng phó với áp lực bên ngoài bằng các các đợt phát hành tín phiếu và bán USD, mức độ biến động tỷ giá nằm trong phạm vi cho phép

CPI bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm 2023, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Đây là năm thứ 11 liên tiếp Việt Nam thành công trong việc kiểm soát lạm phát theo mục tiêu của Quốc hội, phù hợp với tình hình kinh tế – xã hội ở trong nước, hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, là điểm sáng trong kết quả phát triển kinh tế của Việt Nam năm 2024

Tổng quan thị trường chứng khoán năm 2024

Năm 2024, thị trường chứng khoán chịu nhiều ảnh hưởng từ chính sách tiền tệ và các yếu tố kinh tế - chính trị cả trong và ngoài nước, ghi nhận nhiều diễn biến quan trọng

Tổng quan

Kết thúc năm 2024, quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu Việt Nam đạt 7 triệu tỷ đồng, tăng 19,3% so với cuối năm 2023. Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng, chỉ số VN-Index đạt 1.266,8 điểm, tăng 12,1% so với thời điểm cuối năm ngoái; giá trị giao dịch bình quân đạt 21.008 tỷ đồng/phiên, tăng 19,5% so với bình quân năm 2023. Tổng giá trị giao dịch nước ngoài đạt 454.392 tỷ đồng, chiếm gần 8,1% về khối lượng và 10,4% về giá trị giao dịch. Chỉ số VN-Index giao động quanh mức kháng cự 1.300 xuyên suốt ba Quý cuối năm 2024, bất chấp tăng trưởng GDP tích cực, bởi các nguyên nhân chính có thể như sau:

- Áp lực bán ròng của khối ngoại do vấn đề chênh lệch lãi suất và chịu sức ép tỷ giá
- Tâm lý dè chừng trong bối cảnh vĩ mô quốc tế đang kém ổn định, căng thẳng địa chính trị ở Trung Đông leo thang
- Chính phủ siết chặt thị trường trái phiếu, xử lý các vụ thao túng giá cổ phiếu, việc triển khai hệ thống giao dịch KRX và nâng hạng lên thị trường mới nổi chưa được như kỳ vọng
- Nhiều khó khăn liên quan đến ngành ngân hàng, bất động sản, xây dựng

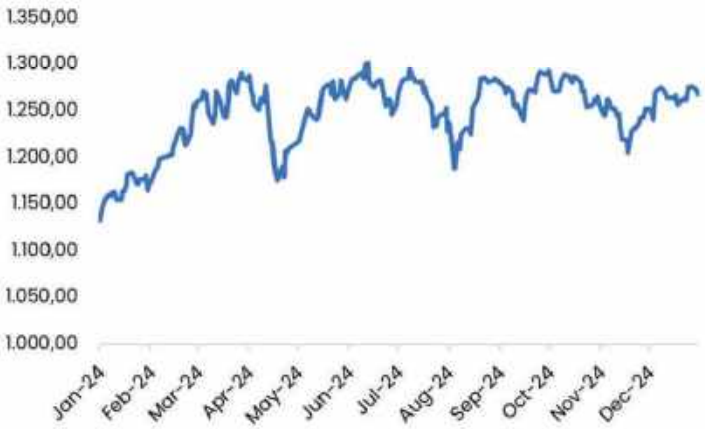

Diễn biến chỉ số VN-Index năm 2024
Nguồn: Fiin-pro

Tăng vốn hàng loạt tại các công ty chứng khoán

Giai đoạn 2021 - 2024 ghi nhận hoạt động tăng vốn của hàng loạt công ty chứng khoán, đặc biệt là là nhóm công ty chứng khoán thuộc sở hữu của các ngân hàng, với mục đích: (i) gia tăng năng lực trong bối cảnh áp lực cạnh tranh cao, (ii) mở rộng khả năng cho vay ký quỹ dự kiến tăng mạnh trong giai đoạn tới; (iii) đa dạng hóa hoạt động kinh doanh; (iv) chuẩn bị cho việc nâng hạng thị trường

Sự tham gia của nhà đầu tư cá nhân

Số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán cá nhân trong nước đã đạt hơn 9,15 triệu tài khoản vào cuối năm 2024, tương đương khoảng 9% dân số Việt Nam, đạt mục tiêu 9 triệu tài khoản trước thời hạn 2025 và đang hướng đến con số 11 triệu tài khoản vào năm 2030 theo như Chiến lược phát triển Thị trường chứng khoán do Chính phủ đề ra

Do tác động mạnh mẽ trong giai đoạn Covid-19 với nhiều gói kích cầu và tiền rẻ, số lượng các nhà đầu tư cá nhân tham gia thị trường chứng khoán gia tăng đột biến trong giai đoạn 2020 - 2022 và suy yếu dần trong giai đoạn hậu Covid. Tuy nhiên, số lượng tài khoản mở mới cải thiện rõ rệt trong năm 2024 khi vượt mục tiêu 9 triệu tài khoản, tương đương 9% dân số và có gần 92.200 tỷ đồng số dư tiền gửi tại 70 công ty chứng khoán. Sự thâm nhập của các nhà đầu tư cá nhân được kỳ vọng sẽ mở rộng theo thời gian khi: (i) Thu nhập khả dụng ngày càng tăng dẫn đến nhu cầu đầu tư, gia tăng tài sản lớn; (ii) Khả năng tiếp cận đầu tư dễ dàng từ việc áp dụng công nghệ và cải thiện cơ sở hạ tầng giao dịch, dịch vụ của các công ty chứng khoán trên thị trường

Số lượng nhà đầu tư trên thị trường
Nguồn: VSDC

Hoạt động của khối ngoại

Năm 2024, thị trường chứng kiến xu hướng bán ròng mạnh mẽ từ khối ngoại, với tổng giá trị bán ròng đạt 93.000 tỷ đồng, mức cao nhất trong lịch sử. Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng mạnh trên thị trường chứng khoán Việt Nam do nhiều nguyên nhân đan xen. Trong bối cảnh FED duy trì lãi suất cao, nhà đầu tư nước ngoài có xu hướng rút khỏi các thị trường mới nổi để tìm kiếm cơ hội hấp dẫn hơn. Sau một thời gian nắm giữ, nhiều quỹ đầu tư hiện thực hóa lợi nhuận khi vượt qua mức tăng trưởng chung của chỉ số Vnindex. Cùng với đó, áp lực tỷ giá là một trong những yếu tố có khả năng ảnh hưởng đáng kể đến dòng vốn ngoại, việc đồng USD liên tục tăng giá trong năm 2024 tác động đến hiệu suất của các quỹ ngoại, làm hạn chế khả năng thu hút vốn. Thị trường chứng khoán Việt Nam chưa được nâng hạng cũng làm giảm sức hút với giới đầu tư quốc tế, nhất là khi thị trường thiếu vắng các thương vụ IPO chất lượng và vẫn tồn tại những lo ngại về chất lượng tài sản ngân hàng, triển vọng thị trường bất động sản. Quan trọng hơn, dù nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng ấn tượng, nhưng cấu trúc thị trường chứng khoán chưa phản ánh đúng tiềm năng này. Cổ phiếu tài chính, bất động sản và tiêu dùng chiếm ưu thế, trong khi những lĩnh vực giàu tiềm năng như công nghệ, sản xuất lại chưa có đủ sức nặng để giữ chân dòng vốn ngoại

Những điều chỉnh quan trọng trong khung pháp lý

Cũng trong năm 2024, nhiều thay đổi quan trọng trong công tác quản lý thị trường chứng khoán được diễn ra nhằm định hình và thúc đẩy nâng hạng thị trường. Ngày 18/09/2024, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 68/2024/TT-BTC, cho phép nhà đầu tư tổ chức nước ngoài đặt lệnh mua cổ phiếu không cần đủ 100% tiền (non-free funding) và quy định lộ trình công bố thông tin bằng tiếng Anh. Thông tư được đánh giá cao và tạo tiền đề nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam lên mức mới nổi thứ cấp vào năm 2025 theo các tiêu chuẩn nâng hạng của FTSE Russell. Ngày 29/11/2024, Quốc hội thông qua Luật Chứng khoán sửa đổi, tập trung nâng cao tính minh bạch, tăng cường giám sát, xử lý vi phạm và hoàn thiện cơ chế đối tác bù trừ trung tâm. Những thay đổi này kỳ vọng thúc đẩy phát triển và nâng hạng thị trường

Kết quả kinh doanh năm 2024

Doanh thu

292 tỷ đồng

đạt 112,34% so với kế hoạch

Lợi nhuận sau thuế

82 tỷ đồng

đạt 125,38% so với kế hoạch

Kết thúc năm tài chính 2024, Công ty ghi nhận kết quả kinh doanh khả quan, các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đều vượt kế hoạch. Cụ thể, doanh thu đạt 292 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 82 tỷ đồng lần lượt vượt 12,34% và 25,38% so với kế hoạch được ĐHĐCĐ giao phó. Doanh thu và lợi nhuận của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động tự doanh bao gồm tự doanh trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và cổ phiếu

Công ty ghi nhận mức cải thiện trong chi phí hoạt động khi giảm 38,51% so với năm ngoái, đạt 119 tỷ đồng, chỉ bằng 81,66% so với mục tiêu ĐHĐCĐ đã đề ra. Tổng chi phí năm 2024 là 195 tỷ đồng, giảm 13,81% so với năm 2023 và đạt 108,78% so với kế hoạch

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng/giảm (%)
1	Doanh thu hoạt động	322.584	**292.317**	(9,38)
2	Chi phí hoạt động	193.548	**119.021**	(38,51)
3	Doanh thu hoạt động tài chính	364	**591**	62,36
4	Chi phí tài chính	5.152	**45.864**	790,22
5	Chi phí quản lý công ty chứng khoán	26.761	**29.490**	10,20
6	Kết quả hoạt động	97.486	**98.532**	1,07
7	Thu nhập khác và chi phí khác	8.087	**2.753**	(65,96)
8	Lợi nhuận trước thuế	105.573	**101.286**	(4,06)
9	Lợi nhuận sau thuế	84.031	**81.537**	(2,97)
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	1,099	**1,055**	(4,00)

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2023 và 2024 của BMSC

Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực hoạt động chính

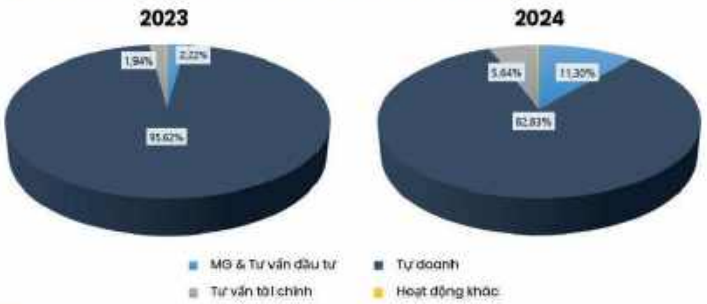

Doanh thu hoạt động tự doanh luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu những năm gần đây. Cụ thể doanh thu từ hoạt động tự doanh năm 2024 đạt 242 tỷ đồng, chiếm 82,83% tổng doanh thu hoạt động và giảm 21,51% so với năm ngoái, hoàn thành 109,26% kế hoạch kinh doanh của năm 2024. Trong đó, lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ đạt 215 tỷ đồng, giảm 30,31% so với năm ngoái, bao gồm lãi bán tài sản tài chính, chênh lệch đánh giá lại tài sản và cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính. Đồng thời, Công ty ghi nhận lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đạt 27 tỷ đồng. Hoạt động đầu tư - tự doanh của Công ty tập trung chủ yếu gồm ba mảng chính là trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và cổ phiếu. Trong đó, trái phiếu Chính phủ là kênh đầu tư được đánh giá ít rủi ro, đem lại mức lợi nhuận kỳ vọng ổn định cho Công ty. Bên cạnh trái phiếu Chính phủ, danh mục tự doanh của Công ty còn phân bổ vào đa dạng các loại tài sản khác như cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi, v.v

Doanh thu từ hoạt động môi giới chiếm tỷ trọng tiếp theo trong cơ cấu doanh thu. Năm 2024, doanh thu hoạt động mảng này đạt 33 tỷ đồng, chiếm 11,30% tổng doanh thu hoạt động và tăng trưởng ấn tượng 361,67% so với năm 2023, nhờ đó hoàn thành vượt mức 251,71% kế hoạch doanh thu đã đề ra. Tất cả các hoạt động trong mảng này đều ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể. Cụ thể, doanh thu từ hoạt động môi giới, hoạt động lưu ký chứng khoán và lãi từ các khoản cho vay và phải thu đạt lần lượt 26 tỷ đồng, 5 tỷ đồng và 2 tỷ đồng

Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính chiếm tỷ trọng thứ ba trong cơ cấu doanh thu. Năm 2024, doanh thu hoạt động mảng này đạt 16 tỷ đồng, chiếm 5,64% và tăng 163,60% so với năm ngoái, hoàn thành 67,67% kế hoạch kinh doanh của năm 2024. Doanh thu chủ yếu đến từ các hoạt động tư vấn cơ bản trên thị trường vốn/nợ, thu xếp vốn dựa trên mạng lưới khách hàng truyền thống và một số khách hàng mới

Doanh thu từ các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể và gần như ổn định qua các năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Môi giới và Tư vấn đầu tư	7.156	2,22	33.037	11,3
Tự doanh	308.467	95,62	242.118	82,83
Tư vấn tài chính	6.253	1,94	16.483	5,64
Hoạt động khác	708	0,22	678	0,23
Doanh thu hoạt động	**322.584**	**100**	**292.317**	**100**

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2023 và 2024 của BMSC

Cơ cấu chi phí theo lĩnh vực hoạt động chính

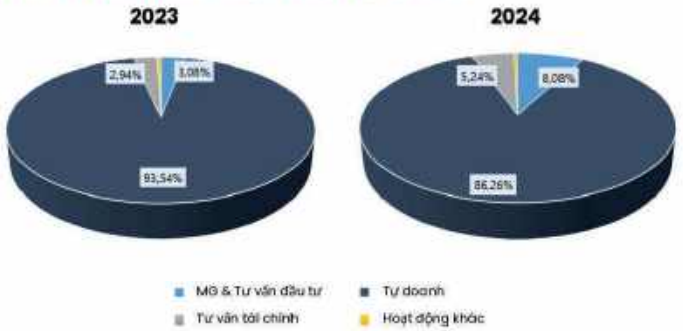

- **Chi phí hoạt động tự doanh** chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí và ghi nhận giảm so với năm 2023. Chi phí hoạt động của mảng này đạt 103 tỷ đồng, chiếm 86,26% tổng chi phí hoạt động và giảm 43,29% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, chủ yếu là chi phí ghi nhận do lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ là 97 tỷ đồng

- **Chi phí môi giới và lưu ký chứng khoán** đạt 10 tỷ đồng, chiếm 8,08% và tăng 61,41% so với năm 2023. Mức tăng trưởng chi phí này đi đôi với tăng trưởng 361,67% của doanh thu, thể hiện hiệu quả hoạt động gia tăng khi tốc độ tăng trưởng doanh thu cao đáng kể so với chi phí. Trong năm 2024, Công ty đã và đang tiếp tục đẩy mạnh mở rộng hoạt động của mảng môi giới và tư vấn đầu tư

- **Chi phí hoạt động tư vấn tài chính** trong năm đạt 6 tỷ đồng, chiếm 5,24% tổng chi phí hoạt động và tăng 9,69% so với cùng kỳ năm ngoái. Tương tự mảng hoạt động môi giới, mức tăng chi phí mảng hoạt động này là tương đối thấp so với mức tăng trưởng 163,60% của doanh thu, gia tăng biên lợi nhuận của hoạt động tư vấn tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024	
	Giá trị	*Tỷ trọng (%)*	*Giá trị*	*Tỷ trọng (%)*
Môi giới và Tư vấn đầu tư	5.962	3,08	9.622	8,08
Tự doanh	181.057	93,54	102.667	86,26
Tư vấn tài chính	5.681	2,94	6.232	5,24
Chi phí khác	848	0,44	500	0,42
Chi phí hoạt động	**193.548**	**100**	**119.021**	**100**

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2023 và 2024 của BMSC

Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban Điều hành

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Phan Tấn Thư	Tổng Giám đốc

Những thay đổi trong Ban Điều hành

Trong năm 2024, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh không có sự thay đổi về nhân sự trong Ban Điều hành

Ông Phan Tấn Thư – Tổng Giám đốc

Trình độ học vấn: 12/12

Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Bảo Minh của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ của Công ty

+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ của Công ty

+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ của Công ty

Kinh nghiệm công tác

Từ 2005 đến 2006	:	Chuyên viên Tổng công ty Hàng không Việt Nam
Từ 2006 đến 12/2021	:	Trưởng phòng Tư vấn CTCP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Từ 10/2021 đến nay	:	Thành viên HĐQT CTCP Chứng khoán Bảo Minh
Từ 01/2022 đến 02/2023	:	Phó Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Bảo Minh
Từ 03/2023 đến nay	:	Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Bảo Minh
Từ 09/2023 đến nay	:	Giám đốc CTCP Công nghệ mới Thiên Phúc.
Từ 04/2024 đến nay	:	Thành viên HĐQT CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định

Số lượng cán bộ nhân viên

Tính tới thời điểm ngày 31/12/2024, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh có **40 lao động**

Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/12/2024 của BMSC như sau

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
I. Phân theo trình độ	**40**	**100%**
+ Trình độ trên đại học	06	15,00%
+ Trình độ đại học	27	67,50%
+ Trình độ cao đẳng, trung cấp	04	10.00%
+ Lao động phổ thông	03	7,50%
II. Phân theo tính chất của hợp đồng	**40**	**100%**
+ Lao động không xác định thời hạn	21	52,50%
+ Lao động có thời hạn từ 12 - 36 tháng	19	47,50%
+ Lao động có thời hạn dưới 12 tháng	0	0%
+ Lao động thuộc diện không ký Hợp đồng lao động	-	-
III. Phân theo giới tính	**40**	**100%**
+ Nam	18	45,00%
+ Nữ	22	55,00%

Chính sách nhân sự

Chính sách tuyển dụng

Công ty không chỉ tuyển dụng nhân sự để đáp ứng nhu cầu công việc hiện tại mà còn xem đây là nhân tố quan trọng để phát triển trong tương lai. Chính vì vậy, quá trình tuyển dụng được thực hiện theo những tiêu chuẩn rõ ràng, phù hợp với định hướng chiến lược và yêu cầu nghiệp vụ của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty chú trọng xây dựng chính sách nhân sự toàn diện nhằm thu hút và giữ chân nhân tài. Chính sách đào tạo được triển khai nhằm nâng cao chuyên môn, kỹ năng làm việc và khả năng thích ứng với những thay đổi của thị trường. Cùng với đó, chế độ lương thưởng và phúc lợi được thiết kế cạnh tranh, đảm bảo môi trường làm việc hấp dẫn, khuyến khích nhân viên cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty

Chính sách đào tạo và phát triển

Nhận thức sâu sắc rằng nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi cho sự phát triển bền vững, Công ty luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhân viên phát triển toàn diện, không chỉ về chuyên môn nghiệp vụ mà còn về kỹ năng mềm. Công ty đặc biệt chú trọng đến việc thúc đẩy các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng, giúp người lao động nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp và đạo đức công việc

Để xây dựng một môi trường làm việc lý tưởng, Công ty cam kết duy trì không gian làm việc thân thiện, lành mạnh và văn minh, nơi mỗi cá nhân có cơ hội học hỏi, phát triển và phát huy tối đa tiềm năng của mình. Công ty không ngừng đầu tư vào các chương trình đào tạo chuyên sâu, hội thảo và các hoạt động ngoại khóa, nhằm củng cố kỹ năng, xây dựng văn hóa doanh nghiệp và lan tỏa các giá trị cốt lõi trong đội ngũ nhân sự

Bên cạnh đó, Công ty còn triển khai nhiều chính sách hỗ trợ các hoạt động văn hóa, thể thao và giải trí, góp phần nâng cao tinh thần làm việc tích cực và gắn kết nội bộ. Các hoạt động này không chỉ tăng cường sự đồng hành giữa các thành viên mà còn góp phần xây dựng môi trường làm việc tràn đầy năng lượng và sáng tạo

Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Công ty xây dựng chính sách lương thưởng và phúc lợi với tiêu chí minh bạch, công bằng và phù hợp nhằm tạo động lực làm việc và thúc đẩy sự phát triển của đội ngũ nhân viên. Mức lương và các khoản thưởng được thiết kế linh hoạt, dựa trên đánh giá khách quan về kỹ năng, năng lực và mức độ đóng góp của từng cán bộ nhân viên

Chính sách lương

Chính sách tiền lương được Ban lãnh đạo Công ty xác định như sau

- Chú trọng tính cạnh tranh hợp lý của tiền lương trong Công ty với thị trường lao động để thu hút nhân tài; duy trì người lao động giỏi, làm việc có hiệu quả
- Đảm bảo tính công bằng trong việc chi trả lương giữa các công việc khác nhau trong Công ty thông qua việc xem xét giá trị của từng vị trí công việc trong Công ty
- Gắn thu nhập của người lao động vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, Khối, Phòng ban và chất lượng công việc của người lao động
- Tạo động lực cho người lao động để nỗ lực phấn đấu hoàn thành mục tiêu KPI của Công ty
- Chính sách tiền lương của Công ty được Công ty xây dựng theo từng thời kỳ và điều chỉnh khi cần thiết nhằm đạt được các mục tiêu của hệ thống tiền lương đã đề ra

Chính sách thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được sử dụng với các mục đích

- Thưởng định kỳ cho người lao động nhân dịp các ngày kỷ niệm, ngày Lễ, ngày Tết trong năm gồm: Tết Dương lịch, Tết Âm lịch, Ngày Quốc tế phụ nữ, Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương, Ngày Thành lập Công ty, Ngày Thống nhất đất nước, Ngày Quốc tế lao động, Ngày Quốc khánh, Ngày Phụ nữ Việt Nam, Ngày Truyền thống ngành Chứng khoán Việt Nam
- Thưởng hoàn thành công việc: dựa vào kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của từng bộ phận, mức độ hoàn thành công việc của từng nhân viên
- Các khoản thưởng khác cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong các hoạt động kinh doanh của Công ty
- Các khoản mừng hiếu – hỉ cho người lao động, mừng sinh nhật người lao động; mừng ngày Quốc tế thiếu nhi 01/06, Tết Trung thu cho con ruột, con nuôi hợp pháp của người lao động.
- Các khoản trợ cấp như: trợ cấp người lao động sinh con, vợ của người lao động sinh con; trợ cấp thăm hỏi người lao động và thân nhân người lao động ốm đau; trợ cấp cho người lao động khi gặp khó khăn đột xuất trong cuộc sống

Ngoài việc đảm bảo đầy đủ các quyền lợi theo quy định của Luật Lao động, BMSC không ngừng nâng cao giá trị phúc lợi dành cho nhân viên. Công ty tổ chức các chương trình nghỉ mát thường niên, tạo điều kiện để nhân viên có thời gian nghỉ ngơi, tái tạo năng lượng và tăng cường gắn kết nội bộ. Các chương trình chăm sóc sức khỏe toàn diện cũng được triển khai, bao gồm kiểm tra sức khỏe định kỳ và cung cấp các gói bảo hiểm ưu đãi, nhằm đảm bảo sự an tâm và sức khỏe lâu dài cho người lao động

BMSC

Tình hình thực hiện đầu tư các dự án

Các khoản đầu tư lớn, dự án lớn

Công ty có một số khoản đầu tư tài chính lớn như sau

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	**492.176**	**677.726**
• Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	290.474	336.000
• Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	2	157.690
• Công cụ thị trường tiền tệ	0	120.000
• Chứng chỉ quỹ	0	64.036
• Trái phiếu chưa niêm yết	201.700	0
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	**0**	**459.000**
• Trái phiếu chưa niêm yết	0	359.000
• Trái phiếunniêm yết	0	100.000

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2023 và 2024 của BMSC

Các công ty con, công ty liên kết

Không có

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính của Công ty thể hiện qua các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	%Tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	1.170.993	1.762.627	50,52
Doanh thu thuần	322.584	292.317	(9,38)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	97.486	98.532	1,07
Lợi nhuận khác	8.087	2.753	(65,96)
Lợi nhuận trước thuế	105.573	101.286	(4,06)
Lợi nhuận sau thuế	84.031	81.537	(2,97)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	-	10	-

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2023 và 2024 của BMSC

Các chỉ tiêu tài chính khác

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	105.004	**263.162**
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	36.553	**8.593**
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	50.000	**50.000**
4	Tổng giá trị rủi ro	191.557	**321.755**
5	Vốn khả dụng	781.758	**813.862**
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (%)(*)	408,1	**252,9**

Nguồn: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán năm 2023 và năm 2024

(*) Tỷ lệ an toàn vốn

Tỷ lệ vốn khả dụng của công ty luôn ở mức cao so với tỷ lệ quy định (180%) của Bộ Tài chính. Tại ngày 31/12/2024, tỷ lệ vốn khả dụng của công ty đạt **252,9%**

Tỷ lệ an toàn vốn (tỷ lệ vốn khả dụng) được quy định chi tiết tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,11	**1,95**
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,11	**1,95**
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	32,58	**50,95**
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	48,32	**103,88**
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,29	**0,20**
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	26,05	**27,89**
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	%	11,2	**9,86**
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản	%	7,65	**5,56**
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	30,22	**33,71**

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2023 và 2024 của BMSC

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh, Công ty đã mở rộng huy động các nguồn vốn vay ngắn hạn, vì vậy dư nợ vay ngắn hạn và nợ phải trả năm 2024 tăng mạnh so với năm trước, khiến các chỉ tiêu thanh toán giảm so với cùng kỳ. Tuy nhiên, các chỉ tiêu này vẫn ở mức lớn hơn 1, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Công ty cũng duy trì tỷ trọng cao đối với các tài sản ngắn hạn có tính thanh khoản cao nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán trong ngắn hạn

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Do chủ động tăng huy động các nguồn vốn vay để đáp ứng cho các hoạt động kinh doanh chính nên cơ cấu vốn của công ty đã có sự chuyển dịch đáng kể, các khoản nợ phải trả tăng mạnh làm cho các hệ số nợ đều tăng. Cụ thể hệ số nợ/tổng tài sản đạt 50,95% và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu đạt 103,88%. Việc tận dụng đòn bẩy tài chính giúp Công ty nâng cao hiệu quả hoạt động, nhưng đồng thời đòi hỏi sự kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản vay và nợ phải trả nhằm duy trì sự ổn định tài chính và hạn chế rủi ro

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay tổng tài sản của công ty đạt 0,20 giảm nhẹ so với mức 0,29 cùng kỳ năm trước. Chỉ tiêu này phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản để tạo ra doanh thu cho công ty. Hệ số này giảm do trong năm, tổng tài sản của công ty tăng mạnh hơn doanh thu

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần đạt 33,71% và hệ số lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần của công ty đạt 27,89%, đều ở mức cao hơn so với cùng kỳ năm ngoái. Điều này thể hiện công ty đã cải thiện hiệu quả hoạt động từ các mảng kinh doanh chính cũng như tối ưu hóa được các chi phí giúp nâng cao khả năng sinh lời.

Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu đạt 9,86%, hệ số lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản đạt 5,56% do tổng tài sản và vốn chủ sở hữu trong năm 2024 tăng mạnh. Công ty đã và đang tiếp tục đẩy mạnh việc mở rộng quy mô tài sản và vốn chủ sở hữu để tạo nền tảng cho sự phát triển dài hạn, mở rộng các hoạt động kinh doanh và gia tăng lợi nhuận trong tương lai

Cơ cấu cổ đông

Mã cổ phiếu

BMS

Tính đến ngày 31/12/2024, Vốn điều lệ và số lượng cổ phiếu của Công ty như sau

Vốn điều lệ: **711.114.250.000** đồng

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: **71.111.425** cổ phiếu. Trong đó

- *Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 71.111.425 cổ phiếu*
- *Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu*

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: **71.111.425** cổ phiếu

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: **0** cổ phiếu

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa

Căn cứ theo công văn số 3034/UBCK-QLKD về việc thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Minh ngày 22/06/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là **100%**

Cơ cấu cổ đông

Danh sách cổ đông của BMSC chốt ngày 31/12/2024

Stt	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	**Cổ đông trong nước**	**2.983**	**70.836.454**	**99,61**
1	Cổ đông nhà nước			
2	Cổ đông cá nhân	2.971	36.599.058	51,47
3	Cổ đông tổ chức	12	34.237.396	48,15
II	**Cổ đông nước ngoài**	**7**	**274.971**	**0,39**
1	Cổ đông cá nhân	6	55.471	0,08
2	Cổ đông tổ chức	1	219.500	0,31
	Tổng cộng	**2.990**	**71.111.425**	**100**

Danh sách cổ đông lớn

Stt	Cổ đông	Số ĐKDN/CCCD	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
1	CTCP Long An Solar Park	1101877825	Ấp 3, Xã Bình Hòa Nam, Huyện Đức Huệ, Tỉnh Long An	16.370.044	23,02%
2	CTCP Rồng Ngọc	0313915326	Lầu 4, Tòa nhà Royal Building - Số 225 Nguyễn Xí, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	17.067.441	24,00%
3	Bà Trương Thị Mỹ An	079153002483	129/2 Bình Quới, Phường 27, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	16.356.298	23,00%
	Tổng cộng			**49.793.783**	**70,02%**

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Thời điểm tăng vốn (thời điểm kết thúc đợt tăng vốn)	VĐL tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng thêm (đồng)	Hình thức tăng vốn	Đối tượng chào bán	Đơn vị cấp phép, chấp thuận
04/2008	300.000.000.000	300.000.000.000	Góp vốn thành lập Công ty	Cổ đông sáng lập	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
02/2018	200.000.000.000	500.000.000.000	Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu ra công chúng theo tỷ lệ 3:2	Cổ đông hiện hữu	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
08/2021	69.999.860.000	569.999.860.000	Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 14%	Cổ đông hiện hữu	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
07/2022	39.893.890.000	609.893.750.000	Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 7%	Cổ đông hiện hữu	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
09/2023	36.582.863.000	646.476.613.000	Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 6%	Cổ đông hiện hữu	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
08/2024	64.637.637.000	711.114.250.000	Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 10%	Cổ đông hiện hữu	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Trách nhiệm đối với môi trường

BMSC là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Tài chính – Chứng khoán, không có hoạt động sản xuất trực tiếp tác động đến môi trường. Công ty chú trọng vào việc giảm thiểu các hoạt động tiêu cực đến môi trường thông qua việc tiêu dùng năng lượng như điện, nước. Công ty khuyến khích sử dụng các nguồn năng lượng một cách hiệu quả và áp dụng các giải pháp tiết kiệm trong vận hành. Đồng thời, Công ty thực hiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho nhân viên về trách nhiệm bảo vệ môi trường

Trách nhiệm đối với người lao động

Số lượng người lao động của Công ty tính đến 31/12/2024 là 40 người, mức thu nhập bình quân đạt khoảng 30 triệu đồng/người/tháng

Các chính sách liên quan đến người lao động

Công ty luôn cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật đối với người lao động, đảm bảo quyền lợi và tạo môi trường làm việc an toàn, công bằng cho tất cả nhân viên. Công ty tin rằng sự hài lòng và gắn bó của người lao động là nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty

Công ty duy trì đều đặn các chính sách khen thưởng, phúc lợi xứng đáng hằng năm, thể hiện sự ghi nhận cho những đóng góp của người lao động. Đồng thời, Công ty chú trọng công tác đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên. Công ty khuyến khích người lao động tham gia các lớp học, khóa học nhằm gia tăng năng lực bản thân. Đặc biệt, thu nhập của người lao động trong những năm gần đây liên tục được cải thiện, thể hiện sự quan tâm của Công ty đối với đời sống của nhân viên. Nhờ vậy, người lao động ngày càng gắn bó, góp phần xây dựng một tập thể đoàn kết vững mạnh

Công ty còn đặc biệt quan tâm đến các hoạt động nội bộ nhằm tăng cường sự gắn kết giữa các nhân viên. Hằng năm, Công ty tổ chức hoạt động teambuilding, du lịch, dã ngoại với nhiều hoạt động phong phú giúp nhân viên thư giãn và phát huy tinh thần đồng đội. Bên cạnh đó, Công ty luôn quan tâm đến đời sống tinh thần của nhân viên thông qua việc tổ chức các sự kiện vào các dịp lễ quan trọng như Tết Nguyên Đán, Quốc tế Phụ nữ 8/3, Ngày Quốc tế Lao động 1/5, Trung thu, Giáng sinh... Những chương trình này không chỉ mang đến niềm vui mà còn thể hiện sự quan tâm, trân trọng đối với từng thành viên trong tập thể

Với những chính sách thiết thực và trách nhiệm đối đội ngũ nhân viên, Công ty tự hào là nơi người lao động có thể an tâm công tác và gắn bó lâu dài

Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội

Ngoài việc tập trung phát triển hoạt động kinh doanh và chăm lo đời sống cán bộ nhân viên, Ban Lãnh đạo Công ty luôn ý thức sâu sắc về trách nhiệm và đóng góp của mình đối với cộng đồng và xã hội. Công ty không chỉ hướng đến mục tiêu tăng trưởng bền vững mà còn cam kết thực hiện nhiều hoạt động thiết thực nhằm lan tỏa những giá trị tốt đẹp, đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội

Cụ thể, trong năm qua Công ty đã tham gia đóng góp để xây dựng cảnh quan cho Trường PTTH Phú Riềng, là một trường cấp ba có bề dày thành tích trong hoạt động giảng dạy và giáo dục tỉnh Bình Phước, tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn trong cơ sở vật chất và thiết bị giảng dạy. Công ty đã góp một phần tài trợ cùng với Ban Lãnh đạo nhà trường xây dựng cảnh quan và trang trí khuôn viên nhằm tạo môi trường trong lành, cảnh quan phù hợp, khang trang cho các em học sinh học tập và rèn luyện

Bên cạnh đó, với tinh thần **"Tương thân tương ái"**, **"Một miếng khi đói bằng một gói khi no"**, tập thể Công ty đã đồng hành cùng chính quyền địa phương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Thạnh An để hỗ trợ trao tặng các phần quà Tết cho các gia đình chính sách, hộ nghèo và các hộ có hoàn cảnh khó khăn tại xã đảo Thạnh An, huyện Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh

Những hoạt động này thể hiện mong muốn lan tỏa tinh thần nhân ái của Ban Lãnh đạo đến toàn bộ cán bộ nhân viên, là cầu nối gắn kết giữa doanh nghiệp và cộng đồng. Công ty sẽ tiếp tục duy trì và mở rộng các hoạt động ý nghĩa này, góp phần chung tay vì một cộng đồng tốt đẹp hơn

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Hiện nay, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh chưa có hoạt động liên quan đến thị trường vốn xanh nhưng Công ty vẫn quan tâm đến các hoạt động này và có định hướng tham gia vào thị trường vốn xanh khi chuẩn bị đầy đủ các nguồn lực cần thiết và nhận được hướng dẫn cụ thể từ UBCKNN

PHẦN

03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến kiểm toán Báo cáo tài chính

Báo cáo đánh giá liên quan đến đến trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty

Đánh giá kết quả hoạt động

Kết thúc năm tài chính 2024, Công ty ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực với các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đều vượt kế hoạch đề ra. Cụ thể, doanh thu đạt 292 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 82 tỷ đồng, lần lượt vượt 12,34% và 25,38% so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao. Kết quả này chủ yếu đến từ hoạt động tự doanh, bao gồm đầu tư vào trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và cổ phiếu

Tình hình tài chính tiếp tục được duy trì ổn định và nằm trong vùng an toàn, với tỷ lệ an toàn vốn khả dụng luôn cao hơn đáng kể so với quy định pháp luật. Công ty chủ động kiểm soát chi phí, quản trị rủi ro chặt chẽ, đặc biệt trong hoạt động cho vay ký quỹ và đầu tư, với tỷ lệ nợ xấu giữ ở mức 0. Công ty cũng kịp thời điều chỉnh danh mục khi thị trường có biến động mạnh, đảm bảo duy trì hiệu quả và an toàn cho toàn bộ hoạt động kinh doanh

Trong năm, Công ty đã hoàn tất tăng vốn điều lệ lên hơn 711 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, đồng thời đặt mục tiêu nâng vốn lên 2.000 tỷ đồng trong năm 2025 nhằm phục vụ định hướng mở rộng các nghiệp vụ có yêu cầu cao về vốn

Những kết quả đạt được trong năm 2024 là nền tảng vững chắc để Công ty tiếp tục phát triển bền vững, mở rộng quy mô và nâng cao năng lực cạnh tranh. Ban Điều hành đánh giá đây là minh chứng rõ nét cho hiệu quả của chiến lược kinh doanh linh hoạt, năng lực quản trị rủi ro hiệu quả và sự đồng lòng, nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ nhân viên

Những tiến bộ mà Công ty đạt được

- Mảng phát triển khách hàng cá nhân đang trên đà phát triển so với những năm trước. Trong năm 2024, bên cạnh việc duy trì tệp khách hàng thân thiết truyền thống, Công ty đã và đang đẩy mạnh mở rộng thêm nhiều đối tượng khách hàng khác như khách hàng đang được quản lý sổ cổ đông, khách hàng từng giao dịch tại BMSC nhưng đã rời đi, khách hàng từ các mối quan hệ đối tác giới thiệu

- Số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán mở mới tăng nhiều hơn so với các năm trước, làm cơ sở để tiếp tục thu hút nhà đầu tư về giao dịch và mở động thị phần.

Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Kết thúc năm tài chính 2024, tổng tài sản của Công ty đạt 1.763 tỷ đồng, tăng 50,52% so với thời điểm cuối năm 2023. Tài sản của Công ty chủ yếu là tài sản ngắn hạn, chiếm 97,29% (31/12/2024), tương ứng 1.715 tỷ đồng và tăng 47,78% so với số dư tại thời điểm 31/12/2023. Sự gia tăng tài sản ngắn hạn chủ yếu đến từ việc tăng tỷ trọng tiền mặt, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM). Theo đó, các khoản tiền và tương đương tiền tăng 108,05% từ 243 tỷ đồng lên 506 tỷ đồng. Các tài sản tài chính FVTPL tăng 37,70% từ 492 tỷ đồng lên 678 tỷ đồng. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) chủ yếu là trái phiếu niêm yết và trái phiếu chưa niêm yết tăng từ 0 lên 459 tỷ đồng

Tài sản dài hạn của Công ty chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu tổng tài sản của Công ty, chỉ chiếm khoảng 2,71% tổng tài sản (tại thời điểm 31/12/2024). Tại thời điểm cuối năm 2024, quy mô tài sản dài hạn đạt 48 tỷ đồng, tăng 350,21% so với số dư tài sản dài hạn tại ngày 31/12/2023, do sự gia tăng của tài sản dài hạn khác như tài sản cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn nhằm phục vụ các hoạt động kinh doanh của Công ty

Như vậy, phần lớn tài sản của Công ty là tài sản ngắn hạn có tính thanh khoản cao, các khoản phải thu và cho vay cũng được kiểm soát chặt chẽ để hạn chế rủi ro. Trong cơ cấu tài sản, Công ty phân bổ nguồn lực chủ yết vào danh mục đầu tư tài sản tài chính (FVTPL) tạo động lực tăng trưởng mạnh mẽ cho Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Tăng/Giảm (%)
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
I	**Tài sản ngắn hạn**	**1.160.377**	**99,09**	**1.714.832**	**97,29**	**47,78**
1	Tài sản tài chính	1.152.411	98,41	1.712.061	97,13	48,56
2	Tài sản ngắn hạn khác	7.966	0,68	2.772	0,16	(65,20)
II	**Tài sản dài hạn**	**10.616**	**0,91**	**47.794**	**2,71**	**350,21**
1	Tài sản cố định	4.391	0,37	6.442	0,37	46,71
2	Tài sản dài hạn khác	6.226	0,53	41.352	2,35	564,18
	Tổng tài sản	**1.170.993**	**100**	**1.762.626**	**100**	**50,52**

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2023 và 2024 của BMSC

Tình hình nợ phải trả

Kết thúc năm tài chính 2024, nợ phải trả của Công ty đạt 898 tỷ đồng, tăng 135,42% so với thời điểm kết thúc năm 2023, trong đó nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn đạt 97,98% tổng dư nợ. Nợ ngắn hạn tăng 136,13% từ 373 tỷ đồng lên 880 tỷ đồng, chủ yếu do gia tăng các khoản nợ vay và phát hành trái phiếu riêng lẻ trong năm. Việc huy động nguồn vốn vay thông qua trái phiếu giúp Công ty chủ động hơn trong việc kiểm soát dòng tiền, đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh và không phụ thuộc quá nhiều vào các khoản vay ngân hàng; nhưng đồng thời Công ty cũng cần kiểm soát chặt chẽ rủi ro thanh toán lãi trái phiếu để đảm bảo khả năng đáp ứng nghĩa vụ tài chính đúng hạn, tránh áp lực dòng tiền và nguy cơ mất cân đối tài chính

Nợ dài hạn Công ty chiếm tỷ trọng không đáng kể (chỉ chiếm 2,02% tại thời điểm 31/12/2024), tăng 105,58% từ 9 tỷ đồng (thời điểm cuối năm 2023) lên 18 tỷ đồng (thời điểm cuối năm 2024), toàn bộ là khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Vốn chủ sở hữu của công ty tăng 9,5% từ 790 tỷ đồng (thời điểm cuối năm 2023) lên 865 tỷ đồng (thời điểm cuối năm 2024) do Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu và từ nguồn lợi nhuận giữ lại từ hoạt động kinh doanh trong năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Tăng/Giảm (%)
		Giá trị	*Tỷ trọng*	*Giá trị*	*Tỷ trọng*	
1	Nợ phải trả ngắn hạn	372.640	97,68	879.923	97,98	136,13
2	Nợ phải trả dài hạn	8.843	2,32	18.179	2,02	105,58
	Tổng nợ phải trả	**381.483**	**100**	**898.102**	**100**	**135,42**
	Vốn chủ sở hữu	**789.510**	**100**	**864.524**	**100**	**9,50**

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2023 và 2024 của BMSC

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm qua, Công ty đã có nhiều cải tiến trong cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý. Văn hóa doanh nghiệp được xây dựng, tạo nên một môi trường làm việc tích cực, thân thiện và gắn kết cho toàn thể cán bộ nhân viên. Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành là những người giàu kinh nghiệm, luôn thể hiện sự đoàn kết và cam kết đồng hành lâu dài cùng Công ty

Đội ngũ nhân sự ổn định, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về chứng chỉ hành nghề theo quy định của UBCKNN, có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành, giúp đảm bảo các nghiệp vụ chứng khoán được thực hiện đầy đủ, chính xác và kịp thời

Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến kiểm toán trong trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần

Không có

Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Ban Điều hành đặt mục tiêu phát triển toàn diện trong năm 2025 với doanh thu trên 320 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 108 tỷ đồng và ROE tối thiểu 10%. Công ty sẽ đẩy mạnh hoạt động môi giới, triển khai app giao dịch, khai thác hiệu quả tệp khách hàng hiện hữu và tận dụng cơ hội thị trường cho hoạt động tự doanh
- Về mặt chiến lược, Công ty dự kiến tăng vốn điều lệ lên hơn 2.000 tỷ đồng và thực hiện niêm yết cổ phiếu trên HOSE trong năm 2025. Song song đó, sẽ tiếp tục đầu tư mạnh vào công nghệ, nâng cao chất lượng dịch vụ và bảo mật hệ thống giao dịch trực tuyến
- Nguồn nhân lực tiếp tục là trọng tâm với định hướng tuyển dụng nhân sự chất lượng cao, tinh gọn bộ máy, cải thiện thu nhập và chuẩn hóa hệ thống KPIs. Công ty cũng ưu tiên phát triển thương hiệu thông qua truyền thông số, liên kết với đối tác trong hệ sinh thái tài chính nhằm mở rộng thị phần và nâng cao uy tín trên thị trường

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Tài chính – Chứng khoán, BMSC không trực tiếp phát sinh các hoạt động sản xuất gây tác động tiêu cực đến môi trường. Tuy nhiên, Công ty luôn ý thức rõ vai trò và trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Trong quá trình vận hành, BMSC chú trọng thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng, sử dụng hiệu quả điện, nước và tài nguyên văn phòng, đồng thời khuyến khích nhân viên sử dụng các nguồn năng lượng hợp lý. Công ty cũng thường xuyên tuyên truyền nội bộ nhằm nâng cao nhận thức về môi trường, hướng đến môi trường làm việc xanh – sạch – hiệu quả

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng địa phương

Về trách nhiệm xã hội, BMSC tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, hỗ trợ giáo dục và an sinh xã hội. Bên cạnh đó, Công ty luôn coi trọng người lao động, đảm bảo chế độ đãi ngộ phù hợp, tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp và môi trường làm việc công bằng, văn minh, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và gắn bó lâu dài của đội ngũ nhân sự

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty luôn cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật đối với người lao động, đảm bảo quyền lợi và tạo môi trường làm việc an toàn, công bằng cho tất cả nhân viên. Công ty tin rằng sự hài lòng và gắn bó của người lao động là nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty

Công ty duy trì đều đặn các chính sách khen thưởng, phúc lợi xứng đáng hằng năm, thể hiện sự ghi nhận cho những đóng góp của người lao động. Đồng thời, Công ty chú trọng công tác đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên. Công ty khuyến khích người lao động tham gia các lớp học, khóa học nhằm gia tăng năng lực bản thân. Đặc biệt, thu nhập của người lao động trong những năm gần đây liên tục được cải thiện, thể hiện sự quan tâm của Công ty đối với đời sống của nhân viên. Nhờ vậy, người lao động ngày càng gắn bó, góp phần xây dựng một tập thể đoàn kết vững mạnh

Công ty còn đặc biệt quan tâm đến các hoạt động nội bộ nhằm tăng cường sự gắn kết giữa các nhân viên. Hằng năm, Công ty tổ chức hoạt động teambuilding, du lịch, dã ngoại với nhiều hoạt động phong phú giúp nhân viên thư giãn và phát huy tinh thần đồng đội. Bên cạnh đó, Công ty luôn quan tâm đến đời sống tinh thần của nhân viên thông qua việc tổ chức các sự kiện vào các dịp lễ quan trọng như Tết Nguyên Đán, Quốc tế Phụ nữ 8/3, Ngày Quốc tế Lao động 1/5, Trung thu, Giáng sinh... Những chương trình này không chỉ mang đến niềm vui mà còn thể hiện sự quan tâm, trân trọng đối với từng thành viên trong tập thể.

Với những chính sách thiết thực và trách nhiệm đối đội ngũ nhân viên, Công ty tự hào là nơi người lao động có thể an tâm công tác và gắn bó lâu dài

PHẦN

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

- Thực hiện tái cấu trúc Công ty, cơ cấu lại bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, đảm bảo tính linh hoạt và hiệu quả. Cấu trúc lại Ban Lãnh đạo, các cán bộ quản lý và người lao động, đảm bảo cán bộ nhân viên luôn được tạo điều kiện nâng cao trình độ quản lý và chuyên môn. Công ty đảm bảo đào tạo thường xuyên và liên tục các nghiệp vụ mới, tạo điều kiện cho người lao động phát huy hết khả năng và nâng cao năng suất lao động

- Kế hoạch kinh doanh được định hướng rõ ràng và cân đối trên cơ sở các nền tảng nguồn vốn, nhân lực sẵn có, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành

- Toàn thể cán bộ công nhân viên tin tưởng, đoàn kết, toàn tâm phấn đấu làm việc, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đặt ra

- Hiện Công ty là một trong những doanh nghiệp có uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Công ty thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ kinh doanh được phép của Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước, luôn đảm bảo sự minh bạch trong quản lý tài khoản nhà đầu tư, công khai trong các hoạt động kinh doanh.

- Hoạt động tự doanh chứng khoán đã đóng góp vào phần lớn doanh thu của Công ty, bên cạnh đó nghiệp vụ môi giới chứng khoán cũng có doanh thu khả ấn tượng trong năm 2024. Các nghiệp vụ kinh doanh khác cũng góp phần đáng kể vào doanh thu hàng năm của Công ty

Kết quả hoạt động kinh doanh

- Tổng doanh thu là 292 tỷ đồng, bằng 90,62% so với năm 2023 và đạt 112,34% so với kế hoạch đề ra
- Tổng chi phí là 195 tỷ đồng, giảm 13,81% so với năm 2023 và đạt 108,78% so với kế hoạch
- Lợi nhuận trước thuế là 101 tỷ đồng. Trong đó, lợi nhuận đã thực hiện 55 tỷ đồng và lợi nhuận chưa thực hiện 46 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế là 82 tỷ đồng và đạt 125,38% kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ giao phó
- Vốn chủ sở hữu cuối kỳ đạt 864 tỷ đồng tăng 9,5% so với cùng kỳ
- Tổng tài sản đạt 1.7623 tỷ đồng tăng 50,52% so với năm 2023
- Kiểm soát chặt chẽ danh mục chứng khoán cho vay ký quỹ và đầu tư với tỷ lệ nợ xấu bằng 0, điều chỉnh khi điều kiện thị trường biến động mạnh, đảm bảo an toàn cho Công ty
- Duy trì tốt mối quan hệ với các tổ chức tín dụng, đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh
- Tập trung triển khai các hoạt động kinh doanh theo định hướng cẩn trọng, an toàn, hạn chế rủi ro và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành

Về báo cáo kết quả phát hành trái phiếu năm 2024

- Năm 2024, BMS đã phát hành thành công hai đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ, không chuyển đổi, không tài sản đảm bảo
- Trên cơ sở Nghị quyết số 24/2024-BMSC/NQ-HĐQT ngày 18/06/2024 đã được HĐQT phê duyệt về việc phát hành trái phiếu riêng lẻ lần 1 năm 2024, Công ty đã triển khai các trình tự thủ tục chào bán và phát hành riêng lẻ trái phiếu BMS theo đúng quy định hiện hành. Trái phiếu được phát hành thành công với tổng giá trị là 260 tỷ đồng, lãi suất kỳ đầu tiên 9,5%/năm
- Trên cơ sở Nghị quyết số 38/2024-BMSC/NQ-HĐQT ngày 11/09/2024 đã được HĐQT phê duyệt về việc phát hành trái phiếu riêng lẻ lần 2 năm 2024, Công ty đã triển khai các trình tự thủ tục chào bán và phát hành riêng lẻ trái phiếu BMS theo đúng quy định hiện hành. Trái phiếu được phát hành thành công với tổng giá trị là 150 tỷ đồng, lãi suất kỳ đầu tiên 10%/năm
- Hai đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ thành công với tổng giá trị 410 tỷ đồng đã chứng minh trái phiếu BMS nhận được sự quan tâm của khách hàng bởi trái phiếu BMS là sản phẩm đầu tư an toàn, hiệu quả, khẳng định vị trí của BMS trên thị trường tài chính

Về hồ sơ phát hành cổ phiếu trả cổ tức

- Trong năm 2024, HĐQT đã thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu trả cổ tức do ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 phê duyệt với tỷ lệ 10% bằng cổ phiếu cho cổ đông. Ngày 19/06/2024, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu nêu trên và ngày 25/07/2024 số lượng cổ phiếu phát hành thêm chính thức được giao dịch bổ sung trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ liên quan tới việc thay đổi mức vốn điều lệ từ 646 tỷ đồng lên 711 tỷ đồng sau khi kết thúc đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức; hoàn thành việc đăng ký thay đổi giấy phép thành lập và hoạt động tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; đồng thời điều chỉnh Giấy phép kinh doanh của Công ty tại Sở Kế hoạch Đầu tư TP. HCM

Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban Điều hành

Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban Điều hành trong việc triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT, kết quả giám sát như sau

- Ban Điều hành đã bám sát các Nghị quyết của HĐQT để triển khai các chủ trương của HĐQT, chỉ đạo, thực hiện theo đúng phân cấp thẩm quyền, kiểm tra, điều hành mọi hoạt động của Công ty để hoàn thành kế hoạch đề ra

- Tổng Giám đốc cũng là thành viên HĐQT của Công ty, nên việc triển khai thực hiện các Nghị quyết diễn ra nhanh chóng, kịp thời

- Ban Điều hành đã xây dựng kế hoạch cụ thể một cách khoa học, thường xuyên kiểm tra, hội ý, tranh luận, trao đổi để đưa ra các quyết định kịp thời, chính xác để điều hành hoạt động kinh doanh. Việc phân công từng thành viên trong Ban Điều hành hợp lý, phù hợp với điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp và phát huy cao nhất năng lực quản lý, lãnh đạo của các thành viên

- Quan hệ công việc giữa Ban Điều hành và Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát đúng theo quy chế quản trị của công ty

- Ban Điều hành thực hiện công bố thông tin đúng quy định của pháp luật, kịp thời, chính xác và trung thực
  Ban Điều hành cũng chủ động trong việc tham gia các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ quản lý để đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình

Định hướng của Hội đồng quản trị năm 2025

Về tổ chức – quản trị

Nâng cao chất lượng bộ máy quản trị điều hành của HĐQT – Ban Điều hành, tăng cường vai trò của HĐQT và BKS trong nhiệm kỳ mới, phát huy vai trò của các tiểu ban hỗ trợ cho HĐQT, phân công cụ thể nhiệm vụ đến từng thành viên hội đồng quản trị, Ban Điều hành

Về định hướng kinh doanh

- Mục tiêu kinh doanh: Doanh thu trên 320 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 108 tỷ đồng. ROE tối thiểu 10%
- Đẩy mạnh triển khai các giải pháp thúc đẩy hoạt động môi giới, triển khai app giao dịch chứng khoán nhằm cung cấp thêm giải pháp giao dịch cho khách hàng
- Triển khai các giải pháp để tăng tỷ lệ khách hàng hoạt động và khai thác tối đa tệp khách hàng của các tổ chức có mối quan hệ kinh doanh
- Tận dụng cơ hội thị trường đối với hoạt động tự doanh ngay khi thị trường thuận lợi
- Khai thác sâu danh sách khách hàng hiện hữu và phát triển khách hàng mới, ưu tiên nhóm khách hàng tiềm năng và ít chịu tác động bởi chính sách thuế quan từ Mỹ và dễ bị tổn thương bởi chính sách bên ngoài

Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2025

Dự kiến tăng vốn điều lệ công ty từ 711 tỷ đồng lên hơn 2.000 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành riêng lẻ

Niêm yết cổ phiếu BMS tại HOSE

Xây dựng phương án và lộ trình để thực hiện niêm yết cổ phiếu của BMS tại HOSE trong năm 2025

Tập trung đầu tư công nghệ

- Tiếp tục đầu tư cho hệ thống CNTT để nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng
- Nâng cao bảo mật hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến để đảm bảo sự hoạt động an toàn, ổn định và thông suốt của thị trường

Phát triển thương hiệu và nâng cao uy tín

- Triển khai các giải pháp nhằm nâng cao tín nhiệm và quảng bá thương hiệu của BMSC thông qua cơ quan chức năng, phương tiện truyền thông, kết hợp với các đơn vị sự nghiệp giáo dục để quảng bá thương hiệu trong dài hạn.
- Tận dụng hoạt động khai thác hệ sinh thái khi liên doanh, liên kết với các ngân hàng để quảng cáo, nâng cao thương hiệu.
- Ưu tiên nâng cao công tác truyền thông qua các kênh số, nền tảng xã hội có chọn lọc và kiểm soát được để đưa thương hiệu BMSC đến gần với thị trường và khách hàng

Tập trung phát triển nguồn lực

- Kiện toàn và sắp xếp công tác quản trị nguồn lực tại BMSC đáp ứng yêu cầu bối cảnh của kinh tế mới theo hướng chuẩn mực, minh bạch, đúng người đúng việc
- Đào tạo, tuyển dụng nhân sự chất lượng cao, trẻ năng động, có tư duy đột phá, sáng tạo. Sắp xếp và phấn đấu bộ phận back tiến về tỷ lệ dưới 40% trong năm 2025 và tiến đến 35% vào cuối năm 2025/tổng số nhân sự. Phấn đấu sang năm 2026, tổng nhân sự kinh doanh tăng trưởng từ 15% - 20% so với năm 2025. Xây dựng tỷ lệ cán bộ quản lý trên tổng nhân sự không vượt quá bình quân ngành, đặc biệt là các công ty cùng quy mô
- Tập trung tổ chức đào tạo nội bộ xây dựng chuẩn mực, đạo đức CBNV BMSC nhằm đảm bảo đội ngũ cán bộ nhân viên thấm nhuần và thực thi chủ động văn hóa cốt lõi đã xây dựng. Tổ chức các phong trào hoạt động nội bộ như Đoàn thanh niên, Công đoàn, Hội phụ nữ,...nhằm đẩy mạnh và nâng cao năng suất, tinh thần làm việc của CBNV
- Xây dựng kế hoạch và thực hiện cải thiện thu nhập cho người lao động theo hướng ngang bằng và cao hơn với thu nhập bình quân của ngành. Hoàn thiện theo hướng chuẩn hóa, minh bạch, cụ thể hóa bộ KPIs để gắn chế độ lương thưởng của người lao động vào kết quả kinh doanh nhằm nâng cao hiệu suất lao động và hiệu quả kinh doanh

Nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ

- Xây dựng đội ngũ phát triển sản phẩm hiện hữu, nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng
- Đổi mới quy trình, biểu mẫu, rút ngắn thời gian giao dịch nhằm phục vụ khách hàng nhanh nhất, tốt nhất
- Ưu tiên chuyển đổi số để phục vụ khách hàng tối ưu nhất và nâng cao hiệu quả kinh doanh
- Đẩy mạnh hoạt động liên doanh, liên kết với các ngân hàng thương mại, quỹ đầu tư,... nhằm khai thác hệ sinh thái khách hàng tiến đến việc cung cấp trọn gói các sản phẩm, dịch vụ chứng khoán đến cho khách hàng

Xây dựng kế hoạch chuyển đổi trụ sở chính

Cùng với lộ trình định hướng kinh doanh của Công ty trong thời gian tới thì việc có 1 trụ sở khang trang đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn mạnh của công ty cũng như không gian tốt nhất để phục vụ khách hàng là yêu cầu cần thiết nhằm tăng cường quảng bá hình ảnh thương hiệu và tương xứng với quy mô hoạt động của Công ty. HĐQT sẽ xây dựng kế hoạch có trụ sở chính mua hoặc thuê cụ thể để trình ĐHĐCĐ phê duyệt

PHẦN

04

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Năm 2024, Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh gồm có 5 thành viên

Stt	Họ và tên	Chức danh
1	Thiều Hữu Chung	Chủ tịch HĐQT - Thành viên độc lập
2	Trần Ngô Phúc Bảo	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Phan Tấn Thư	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
4	Hoàng Văn Thắng	Thành viên HĐQT
5	Đỗ Văn Hạ	Thành viên HĐQT độc lập

Ông Thiều Hữu Chung – Chủ tịch HĐQT

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Bảo Minh của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ
+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ
+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ

Chức vụ nắm giữ tại các Công ty khác: Không

Ông Trần Ngô Phúc Bảo – Phó Chủ tịch HĐQT

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Bảo Minh của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ
+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ
+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ

Chức vụ nắm giữ tại các Công ty khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Dịch vụ Du lịch Thủ Đức

Ông Phan Tấn Thư – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Xem chi tiết tại Phần II Mục 3. Tổ chức và nhân sự

Ông Hoàng Văn Thắng – Thành viên HĐQT

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Bảo Minh của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ
+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ
+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ

Chức vụ nắm giữ tại các Công ty khác: Không

Ông Đỗ Văn Hạ – Thành viên HĐQT độc lập

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Bảo Minh của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ

+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ

+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ

Chức vụ nắm giữ tại các Công ty khác: Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật Năng lượng; Giám đốc đầu tư CTCP Tập đoàn Đầu tư Hoàng Gia; Giám đốc Công ty TNHH Liên doanh Phát triển nhà Daewon – Hoàn Cầu

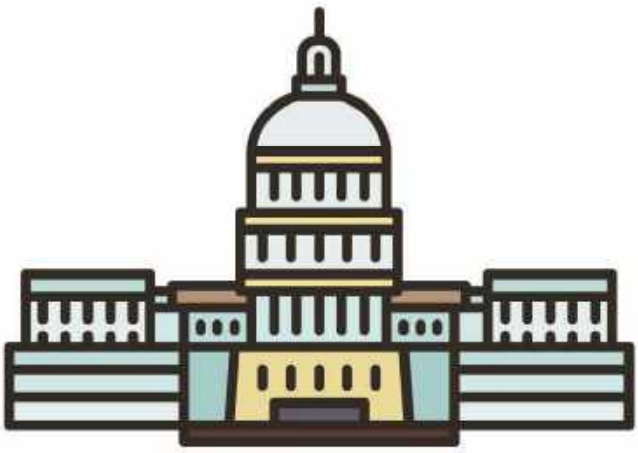

Hoạt động của Hội đồng quản trị

- HĐQT hiện tại gồm 05 thành viên (trong đó có 02 thành viên HĐQT độc lập), đảm bảo quy định về cơ cấu thành viên HĐQT

- HĐQT thường xuyên tổ chức các phiên họp để giải quyết kịp thời các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT. Trong năm 2024, HĐQT đã họp 12 phiên định kỳ, các cuộc họp đều hội tụ đủ các điều kiện tiến hành, tất cả các thành viên đương nhiệm tham dự đầy đủ, mỗi cuộc họp đều ghi biên bản cụ thể và sau khi họp đều ra nghị quyết những nội dung cần thiết

- HĐQT thực hiện trách nhiệm giám sát toàn diện đối với hoạt động điều hành Công ty, thường xuyên chỉ đạo và trao đổi với Ban Điều hành trong quá trình triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT, đảm bảo hoạt động của BMSC được tiến hành đúng quy định tại Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành

Các văn bản HĐQT đã ban hành trong năm 2024

Năm 2024, thực hiện nhiệm vụ quyền hạn đã được Đại hội đồng cổ đông giao phó, HĐQT đã họp 12 phiên định kỳ và ban hành các Nghị quyết/Quyết định để triển khai thực hiện các nội dung họp

Stt	Số NQ/QĐ	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	04/2024-BMSC/NQ-HĐQT	20/02/2024	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
2	18/2024-BMSC/NQ-HĐQT	08/05/2024	Thông qua triển khai phương án PHCP trả cổ tức năm 2023	100%
3	20/2024-BMSC/NQ-HĐQT	04/06/2024	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng phát hành cổ phiếu trả cổ tức	100%
4	24/2024-BMSC/NQ-HĐQT	18/06/2024	Thông qua phương án PH TPHRL lần 01.2024	100%
5	26/2024-BMSC/NQ-HĐQT	25/06/2024	Thông qua việc đăng ký, lưu ký trái phiếu và đăng ký giao dịch TPHRL lần 01.2024	100%
6	28/2024-BMSC/NQ-HĐQT	10/07/2024	Phê duyệt điều chỉnh điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Chứng khoán Bảo Minh	100%
7	38/2024-BMSC/NQ-HĐQT	11/09/2024	Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ BMSC đợt 2 năm 2024	100%
8	44/2024-BMSC/NQ-HĐQT	04/11/2024	Phê duyệt khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH Indovina	100%

Hoạt động giám sát của HĐQT

Đối với thành viên HĐQT độc lập

Căn cứ theo quy định tại Điều 155 - Luật doanh nghiệp và Điều 276 - Nghị định 155 quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán, hiện Công ty có 02 thành viên HĐQT độc lập đáp ứng đúng yêu cầu của pháp luật hiện hành

Trong năm 2024, các hoạt động của thành viên HĐQT độc lập được thực hiện theo đúng quy định trong Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật liên quan

Đối với các Tiểu ban trực thuộc HĐQT

Hiện HĐQT có 2 Tiểu ban trực thuộc là Tiểu ban Quản trị rủi ro và Tiểu ban Kiểm toán nội bộ

Trong năm 2024, hai Tiểu ban đã hoạt động trên tinh thần độc lập, khách quan, trung thực nhằm mục đích tối thiểu hóa thiệt hại cho Công ty và khách hàng, đảm bảo quá trình hoạt động của Công ty được diễn ra thông suốt, liên tục, an toàn, chính xác, hiệu quả, tăng cường khả năng đạt được các mục tiêu đã hoạch định

Đối với Ban Điều hành

- HĐQT chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT cụ thể như: Rà soát và thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024, chuẩn bị kế hoạch kinh doanh năm 2025 trình ĐHĐCĐ thường niên, tiếp tục cập nhật và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin phục vụ các sản phẩm kinh doanh của Công ty và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, rà soát hệ thống, đảm bảo an toàn, chủ động phòng ngừa rủi ro, thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông, sử dụng nguồn vốn từ đợt phát hành trong năm phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ và các nhiệm vụ khác để phát triển kinh doanh gắn liền với an toàn hoạt động

- Căn cứ vào Điều lệ, HĐQT giao quyền cho Tổng Giám đốc quyết định các công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, đồng thời thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện các quyết định, kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động do HĐQT và ĐHĐCĐ giao cho

- Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát bằng báo cáo định kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động của Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá Ban Điều hành đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và của cổ đông. Ban Điều hành đã chủ động nâng cao công tác quản lý của Công ty theo đúng trình tự, thẩm quyền và đúng quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành. Các hoạt động tập thể, phát triển văn hóa doanh nghiệp được tăng cường, tạo được môi trường đoàn kết gắn bó tại Công ty

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Năm 2024, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh gồm có 03 thành viên bao gồm: 01 trưởng ban và 02 thành viên

Stt	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Thy Phương	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Trương Thị Bích Ngân	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Mộc Thị Lan Uyên	Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thy Phương - Trưởng Ban Kiểm soát

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Bảo Minh của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ
+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ
+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ

Chức vụ nắm giữ tại các Công ty khác: Thành viên HĐQT Công ty Du lịch Việt Nam – Hà Nội; Thành viên HĐQT CTCP Cấp thoát nước Bến Tre; Thành viên BKS CTCP Cấp thoát nước Lâm Đồng

Bà Mộc Thị Lan Uyên - Thành viên Ban Kiểm soát

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Bảo Minh của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ
+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ
+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ

Chức vụ nắm giữ tại các Công ty khác: Không

Bà Trương Thị Bích Ngân - Thành viên Ban Kiểm soát

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Bảo Minh của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ
+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ
+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ

Chức vụ nắm giữ tại các Công ty khác: Không

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát đã phối hợp với HĐQT, Ban Điều hành trong việc xây dựng và đôn đốc thực hiện các quy chế, quy định của Công ty, tạo cơ sở pháp lý cho công tác quản lý điều hành kinh doanh của Công ty

Ban Kiểm soát đã tiến hành nhiều hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán, Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của BMSC trong việc quản lý, điều hành, cụ thể

- Tham gia các buổi làm việc của lãnh đạo BMSC trong việc xây dựng kế hoạch kinh doanh, đầu tư định kỳ, bất thường. Kiểm tra giám sát quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư theo chiến lược phù hợp với nền kinh tế khó khăn hiện nay
  Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Điều hành BMSC cung cấp
- Giám sát các giao dịch giữa Công ty với người liên quan của Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ
- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ, thông tin bất thường một cách kịp thời và kiểm chứng tính xác thực của các thông tin công bố tới các cổ đông của Công ty
- Phối hợp với Ban Điều hành rà soát một số hoạt động của các khối nghiệp vụ: Khối Kinh doanh chứng, Khối Vận hành
- Giám sát các báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo tài chính – báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính bán niên và báo cáo tài chính - báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính năm 2024 trước và sau khi kiểm toán. Báo cáo kiểm toán, thư quản lý do Công ty kiểm toán độc lập phát hành, kiểm tra khắc phục các vấn đề thiếu sót của Công ty
- Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư mua sắm tài sản, kế hoạch lao động tiền lương và thu nhập
  Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của công ty

Hoạt động giám sát HĐQT

Ban Kiểm soát thường xuyên được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, qua đó Ban Kiểm soát nhận thấy: Thể thức cuộc họp, nội dung, biên bản cuộc họp, các Nghị Quyết, Quyết định và văn bản của HĐQT phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty

Năm 2024 HĐQT đã tổ chức 12 cuộc họp định kỳ để trao đổi phân tích đi đến thống nhất quyết định trong các thành viên. HĐQT Công ty đã ban hành các Nghị quyết, quyết định chỉ đạo các phòng ban Công ty về việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Công ty

HĐQT phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành trong quá trình chỉ đạo điều hành và trực tiếp tham gia tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong hoạt động kinh doanh của công ty, trên cơ sở đó để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông giao cho

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Điều hành

Với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác trong quá trình hoạt động, thực hiện nhiệm vụ của các cổ đông giao, Ban Kiểm soát luôn phối hợp, trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn, trung thực với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành trong việc xây dựng Quy chế, nội dung cuộc họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát cũng thường xuyên xem xét, góp ý kiến với Ban Điều hành trong các hoạt động quản lý và sản xuất kinh doanh, để phù hợp với mục tiêu của Hội đồng quản trị và các chính sách, chế độ quy định

Công tác tài chính kế toán

Báo cáo tài chính, Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính năm 2024 và các tài liệu liên quan của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam. Ban Kiểm soát nhận thấy: Phương pháp thực hiện kiểm toán, các chuẩn mực kế toán áp dụng và các chế độ chính sách tài chính kế toán Công ty áp dụng thể hiện trong Báo cáo tài chính năm 2024 là phù hợp. Ban Kiểm soát nhất trí với các số liệu cũng như nhận xét của Kiểm toán viên đưa ra trong Báo cáo kiểm toán

Báo cáo tài chính các Quý trong năm: Việc thực hiện báo cáo tháng, báo cáo quý, báo cáo bán niên trong năm đầy đủ, đáp ứng được các nội dung cũng như mẫu biểu theo chế độ quy định

Về thời gian lập và gửi báo cáo tài chính trong năm đúng quy định, kịp thời phục vụ tốt việc quản trị của Công ty

Công ty đã quản lý và kiểm soát công tác tài chính năm 2024

- Sổ sách kế toán, thống kê đầy đủ, rõ ràng, lưu trữ đúng theo quy định của chế độ kế toán thống kê
- Thực hiện công tác kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, tài sản, công cụ dụng cụ,... theo đúng quy định

Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong việc chấp hành, tuân thủ pháp luật, tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ
- Thực hiện rà soát lại cơ cấu, chức năng nhiệm vụ của bộ phận kiểm soát, kiểm toán nội bộ để kiện toàn lại bộ máy cho phù hợp với hoạt động của Công ty
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện công tác xây dựng quy chế, quy định, quy trình quản lý nội bộ của Công ty
- Kiểm tra cơ cấu tổ chức và lao động của Công ty. Công tác bổ nhiệm nhân sự, tuyển dụng lao động, chi trả lương và thu nhập
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Kiểm tra việc thực hiện báo cáo thống kê theo quy định của các Khối/phòng về tính kịp thời, chính xác của số liệu
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch cân đối nhu cầu vốn và kế hoạch dòng tiền phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2025
- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính quý, bán niên, năm của Công ty

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGĐ và BKS

Thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Tên	Chức vụ	Thu nhập (đồng)
Hội đồng quản trị		
Ông Thiều Hữu Chung	Chủ tịch HĐQT	1.893.600.000
Ông Trần Ngô Phúc Bảo	Phó Chủ tịch HĐQT/Cố vấn	2.952.260.018
Ông Phan Tấn Thư	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	3.853.820.852
Ông Hoàng Văn Thắng	Thành viên HĐQT	360.000.000
Ông Đỗ Văn Hạ	Thành viên HĐQT	120.000.000
Tổng		**9.179.680.870**
Ban Kiểm soát		
Bà Nguyễn Thy Phương	Trưởng BKS	120.000.000
Bà Mộc Thị Lan Uyên	Thành viên BKS	48.000.000
Bà Trương Thị Bích Ngân	Thành viên BKS	48.000.000
Tổng		**216.000.000**

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Không phát sinh

Hợp đồng, giao dịch với người nội bộ

Công ty Cổ phần Xây dựng và thiết kế Số 1

- Loại hợp đồng: Hợp đồng tư vấn tổ chức Đại hội đồng cổ đông
- Mối quan hệ: Tổ chức có liên quan của người nội bộ
- Thời điểm giao dịch với Công ty: 04/03/2024

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Năm 2024, Công ty đã tuân thủ nghiêm túc các quy định về Quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 và Điều lệ, Quy chế quản trị của CTCP Chứng khoán Bảo Minh. Công ty đã thực hiện quản trị công ty theo các chuẩn mực quản trị hiện đại. Các thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Người phụ trách quản trị công ty đã cử đại diện tham gia các lớp tập huấn, hội thảo và các bộ phận liên quan đã được đào tạo và thường xuyên cập nhật các quy định mới về quản trị, về công tác quản trị công ty, các thông lệ tốt về quản trị công ty trong khu vực và thế giới, cập nhật các quy định mới về Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn do Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, Trung tâm lưu ký chứng khoán, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước phối hợp tổ chức

PHẦN

05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Deloitte.

MAKING AN IMPACT THAT MATTERS since 1845

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH
Date: 2025.03.28 17:15:00 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH
Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, 34A Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	3 - 4
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	6 - 7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11 - 12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH
Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, 34A Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thiều Hữu Chung	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trần Ngô Phúc Bảo	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Đỗ Văn Hạ	Thành viên
Ông Phan Tấn Thư	Thành viên
Ông Hoàng Văn Thắng	Thành viên

Tổng Giám đốc

Ông Phan Tấn Thư	Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thy Phương	Trưởng Ban
Bà Mộc Thị Lan Uyên	Thành viên
Bà Trương Thị Bích Ngân	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Phan Tấn Thư
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Deloitte.

MAKING AN IMPACT THAT MATTERS since 1845

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam
Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
57-69F Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 7100 4000
Fax: +84 28 3910 0750
www.deloitte.com/vn

Số: 0504/VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025, từ trang 3 đến trang 38, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2023-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 28 tháng 3 năm 2025
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tuấn Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2110-2023-001-1

Tên Deloitte được sử dụng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL" hay "Deloitte Toàn cầu"), và mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu (gọi chung là "tổ chức Deloitte"). DTTL và mỗi thành viên trực thuộc là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không ai ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi thành viên trực thuộc chỉ chịu trách nhiệm cho hành vi và thiếu sót của mình, không phải chịu trách nhiệm lẫn nhau. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130)	**100**		**1.714.832.342.405**	**1.160.377.149.564**
I. Tài sản tài chính	**110**		**1.712.060.757.468**	**1.157.411.455.898**
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	506.165.636.109	243.288.666.076
1.1 Tiền	*111.1*		*506.165.636.109*	*243.288.666.076*
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7.1	677.726.375.430	492.175.830.980
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	7.2	459.000.000.000	-
4. Các khoản cho vay	114	7.3	55.842.132.955	3.892.316.210
5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		-	(3.641.652.645)
6. Các khoản phải thu	117	8	13.293.973.474	370.644.465.543
6.1 Phải thu về cổ tức, tiền lãi các tài sản	*117.1*		-	*370.644.465.543*
6.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	*117.2*		*13.293.973.474*	-
6.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	*117.4*		*13.293.973.474*	-
7. Trả trước cho người bán	118		32.035.500	432.500.350
8. Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	119	8	604.000	120.000.000
9. Các khoản phải thu khác	122		-	45.489.329.384
II. Tài sản ngắn hạn khác	**130**		**2.771.584.937**	**7.965.693.666**
1. Tạm ứng	131		20.000.000	25.000.000
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133		741.887.801	752.241.834
3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	9	690.978.600	-
4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	16	1.318.718.536	7.188.451.832
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250)	**200**		**47.796.194.357**	**10.616.332.396**
I. Tài sản cố định	**220**		**6.441.769.135**	**4.390.588.331**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.892.872.173	3.316.075.633
- Nguyên giá	*222*		*11.072.611.668*	*12.771.408.068*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223a*		*(7.179.739.495)*	*(9.455.332.435)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	2.548.896.962	1.074.512.698
- Nguyên giá	*228*		*14.627.525.440*	*12.652.525.440*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229a*		*(12.078.628.478)*	*(11.578.012.742)*
II. Tài sản dài hạn khác	**250**		**41.352.425.222**	**6.225.744.065**
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	9	27.635.000.000	695.978.600
2. Chi phí trả trước dài hạn	252		241.874.409	606.738.364
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	12	5.371.550.813	4.923.027.101
4. Tài sản dài hạn khác	255	13	8.100.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**1.762.626.536.762**	**1.170.993.481.960**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+340)	**300**		**898.102.527.112**	**381.483.384.104**
I. Nợ phải trả ngắn hạn	**310**		**879.923.650.406**	**372.639.501.462**
1. Vay ngắn hạn	311	14	436.240.000.000	300.000.000.000
2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316	15	410.000.000.000	-
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320		379.607.546	8.745.754
4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		825.000.000	330.000.000
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	16	4.089.112.943	10.668.566.845
6. Phải trả người lao động	323		5.888.623.927	3.348.489.395
7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		261.088.765	242.187.333
8. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	17	18.277.917.855	2.505.172.950
9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		58.333.334	58.333.334
10. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	18	2.529.971.600	47.172.067.857
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		11.373.994.436	8.505.938.094
II. Nợ phải trả dài hạn	**340**		**18.178.876.706**	**8.843.882.642**
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	19	18.178.876.706	8.843.882.642
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	**400**		**864.524.009.650**	**789.510.097.856**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**864.524.009.650**	**789.510.097.856**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	711.114.250.000	646.476.130.000
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	*411.1*		*711.114.250.000*	*646.476.130.000*
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411.1a*		*711.114.250.000*	*646.476.130.000*
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		-	-
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		11.217.790.942	11.217.790.942
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417		142.191.968.708	131.816.176.914
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	*417.1*		*69.476.461.884*	*96.440.646.344*
- Lợi nhuận chưa thực hiện	*417.2*		*72.715.506.824*	*35.375.530.570*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**1.762.626.536.762**	**1.170.993.481.960**

Đặng Thùy Trang
Kế toán trưởng – Người lập

Phan Tấn Thư
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ("CTCK") VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	004	21.5	3.641.652.645	-
2. Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	006		71.111.425	64.647.613
3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của CTCK (VND)	008		247.720.310.000	184.115.400.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	*008.1*		*178.720.310.000*	*184.115.400.000*
b. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	*008.2*		*69.000.000.000*	-
4. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK (VND)	009		690.000	-
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư (VND)	021		13.527.467.520.000	7.527.399.690.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	*021.1*		*8.383.250.550.000*	*5.781.680.460.000*
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	*021.2*		*8.722.890.000*	*157.000.000.000*
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	*021.3*		*4.212.567.500.000*	*1.402.818.440.000*
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	*021.4*		*900.000.460.000*	*164.480.810.000*
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	*021.5*		*22.926.120.000*	*21.469.980.000*
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư (VND)	022		316.290.000	-
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	*022.1*		*316.290.000*	-
3. Tiền gửi của khách hàng (VND)	026		179.003.206.497	43.912.701.548
a. Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	*027*	*21.2*	*176.956.084.838*	*41.968.074.799*
b. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	*030*	*21.2*	*2.047.121.659*	*1.944.626.749*
4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	031	21.3	176.956.084.838	41.968.074.799
a. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	*031.1*		*176.956.084.838*	*41.968.074.799*
5. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu (VND)	035	21.4	2.047.121.659	1.944.626.749

Đặng Thùy Trang
Kế toán trưởng – Người lập

Phan Tấn Thư
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		214.961.226.574	308.467.246.258
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	*01.1*	*22.1*	*84.315.417.416*	*98.315.926.432*
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ FVTPL	*01.2*	*22.2*	*133.877.560.254*	*111.422.745.828*
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	*01.3*	*22.3*	*16.768.248.904*	*98.728.574.008*
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	22.3	27.157.205.810	-
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	22.3	2.259.695.860	230.579.277
1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		25.671.705.705	5.756.589.470
1.5. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		265.996.250	-
1.6. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		4.840.065.940	1.169.195.465
1.7. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính	10		16.483.185.250	6.252.846.341
1.8. Thu nhập hoạt động khác	11		678.099.253	707.783.008
Cộng doanh thu hoạt động (20=01+02+03+06+08+09+10+11)	**20**		**292.317.180.642**	**322.584.239.829**
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		96.925.742.028	122.765.203.865
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	*21.1*	*22.1*	*9.723.152.092*	*62.690.390.402*
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ FVTPL	*21.2*	*22.2*	*87.202.589.936*	*60.074.813.467*
2.2. Chi phí hoạt động tự doanh	26		5.741.317.597	58.292.132.011
2.3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		6.756.274.743	4.195.190.166
2.4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		2.865.034.844	1.766.381.201
2.5. Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	31		6.231.995.826	5.681.463.981
2.6. Chi phí các dịch vụ khác	32		499.785.555	848.061.349
Cộng chi phí hoạt động (40=21+26+27+30+31+32)	**40**		**119.021.150.593**	**193.548.432.577**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	**DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**				
3.1.	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		590.509.635	363.638.171
	Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50=42)	**50**		**590.509.635**	**363.638.171**
IV.	**CHI PHÍ TÀI CHÍNH**				
4.1.	Chi phí lãi vay	52		45.864.173.771	5.152.224.535
	Cộng chi phí tài chính (60=52)	**60**	**23**	**45.864.173.771**	**5.152.224.535**
V.	**CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**	**62**	**24**	**29.489.913.967**	**26.761.010.243**
VI.	**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-60-62)**	**70**		**98.532.451.946**	**97.486.210.645**
VII.	**THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**				
7.1.	Thu nhập khác	71	25.1	2.997.029.247	8.440.659.843
7.2.	Chi phí khác	72	25.2	(243.847.418)	(353.634.232)
	Cộng kết quả hoạt động khác (80=71+72)	**80**		**2.753.181.829**	**8.087.025.611**
VIII.	**TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ 90=70+80)**	**90**		**101.285.633.775**	**105.573.216.256**
8.1.	Lợi nhuận đã thực hiện	91		54.610.663.457	54.225.283.895
8.2.	Lợi nhuận chưa thực hiện	92		46.674.970.318	51.347.932.361
IX.	**CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**	**100**	**26**	**19.748.773.129**	**21.541.762.870**
9.1.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		10.413.779.065	11.272.176.398
9.2.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		9.334.994.064	10.269.586.472
X.	**LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200=90-100)**	**200**		**81.536.860.646**	**84.031.453.386**
XI.	**THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG**	**500**			
11.1.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/cổ phiếu)	501	28	1.055	1.099

Đặng Thúy Trang
Kế toán trưởng – Người lập

Phan Tấn Thư
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**			
1.	**Lợi nhuận trước thuế**	**01**	**101.285.633.775**	**105.573.216.256**
2.	**Điều chỉnh cho các khoản:**	**02**	**29.771.839.414**	**6.412.299.737**
	- Khấu hao tài sản cố định	03	1.609.477.229	1.623.713.373
	- Chi phí lãi vay	06	43.864.173.771	5.152.224.535
	- Lãi từ hoạt động đầu tư	07	(399.254.356)	(363.638.171)
	- Dự thu tiền lãi	08	(17.302.517.190)	-
3.	**Tăng các chi phí phi tiền tệ**	**10**	**87.202.589.936**	**60.074.813.467**
	- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	11	87.202.589.936	60.074.813.467
4.	**Giảm các doanh thu phi tiền tệ**	**18**	**(133.877.560.254)**	**(111.422.745.828)**
	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	19	(133.877.560.254)	(111.422.745.828)
5.	**Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**	**30**	**(354.484.169.201)**	**(193.168.235.632)**
	- Thay đổi tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31	(138.875.574.132)	40.297.738.711
	- Thay đổi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	32	(459.000.000.000)	
	- Thay đổi các khoản cho vay	33	(55.591.469.390)	(172.098.061)
	- Thay đổi các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	374.653.009.259	(22.624.482.823)
	- Thay đổi các khoản phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	37	119.396.000	10.000.000
	- Thay đổi các khoản phải thu khác	39	37.208.350.784	(65.551.166.879)
	- Thay đổi các tài sản khác	40	(26.991.080.262)	5.743.913.239
	- Thay đổi chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	(683.821.204)	56.322.649
	- Thay đổi chi phí trả trước	42	375.217.988	811.447.527
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	43	(4.544.045.768)	(5.362.954.880)
	- Lãi vay đã trả	44	(29.407.607.662)	(3.929.210.836)
	- Thay đổi phải trả người bán	45	370.861.792	(17.460.575.000)
	- Thay đổi các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	(3.435.990.978)	(3.248.441.386)
	- Thay đổi thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	(6.579.453.902)	6.915.203.988
	- Thay đổi phải trả người lao động	48	2.540.134.532	2.249.791.857
	- Thay đổi phải trả, phải nộp khác	50	(44.642.096.257)	(130.903.723.488)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**60**	**(270.101.666.330)**	**(132.530.652.000)**
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(3.275.000.000)	(490.402.000)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	62	2.013.636.363	
3.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	65	-	363.638.171
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**70**	**(3.261.363.637)**	**(126.763.829)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay gốc và nợ gốc trái phiếu	73	2.873.860.000.000	1.134.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(2.337.620.000.000)	(834.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**80**	**536.240.000.000**	**300.000.000.000**
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**90**	**262.876.970.033**	**167.342.584.171**
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**101**	**243.288.666.076**	**75.946.081.905**
- Tiền	101.1	243.288.666.076	75.946.081.905
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	**103**	**506.165.636.109**	**243.288.666.076**
- Tiền	103.1	506.165.636.109	243.288.666.076

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị: VND

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	6.054.139.025.671	1.985.731.156.663
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(6.590.587.407.594)	(2.508.157.734.933)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	671.436.391.962	471.631.024.786
4. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	1.281.298.295.281	25.452.386.732
5. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(1.281.195.800.371)	(25.469.104.652)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**20**	**135.090.504.949**	**(50.812.271.404)**
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	**30**	**43.912.701.548**	**94.724.972.952**
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	43.912.701.548	94.724.972.952
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	*32*	*41.269.143.698*	*92.510.693.828*
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	*35*	*2.643.557.850*	*2.214.279.124*
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40=20+30)	**40**	**179.003.206.497**	**43.912.701.548**
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41	179.003.206.497	43.912.701.548
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	*42*	*176.956.084.838*	*41.269.143.698*
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	*45*	*2.047.121.659*	*2.643.557.850*

Đặng Thúy Trang
Kế toán trưởng – Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Phan Tấn Thư
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	01/01/2023	01/01/2024	Năm trước		Năm nay		31/12/2023	31/12/2024
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
I. Biến động vốn chủ sở hữu								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Thuyết minh 20)	609.893.750.000	646.476.130.000	36.582.380.000	-	64.638.120.000	-	646.476.130.000	711.114.250.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*609.893.750.000*	*646.476.130.000*	*36.582.380.000*	-	*64.638.120.000*	-	*646.476.130.000*	*711.114.250.000*
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	23.900.085.471	-	-	23.900.085.471	-	-	-	-
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	23.900.085.471	11.217.790.942	-	12.682.294.529	-	-	11.217.790.942	11.217.790.942
4. Lợi nhuận chưa phân phối	53.666.925.265	131.816.176.914	177.163.673.525	99.014.421.876	138.881.693.392	128.505.901.598	131.816.176.914	142.191.968.708
4.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	*59.369.740.584*	*96.440.646.344*	*88.025.476.863*	*50.954.571.103*	*54.338.435.361*	*81.302.619.821*	*96.440.646.344*	*69.476.461.884*
4.2. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện	*(5.702.815.319)*	*35.375.530.570*	*89.138.196.662*	*48.059.850.773*	*84.543.258.031*	*47.203.281.777*	*35.375.530.570*	*72.715.506.824*
	711.360.846.207	**789.510.097.856**	**213.746.053.525**	**135.596.801.876**	**203.519.813.392**	**128.505.901.598**	**789.510.097.856**	**864.524.009.650**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Theo Nghị Quyết số 16/2024-BMSC/NQ-ĐHĐCĐ ("Nghị Quyết 16") ngày 23 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 như sau:

- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế, tương đương 4.201.572.669 đồng. Trong năm 2023, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế, tương đương 4.201.572.669 đồng.
- Trích lập quỹ khen thưởng khách hàng với tỷ lệ 2% lợi nhuận sau thuế, tương đương 1.680.629.068 đồng. Trong năm 2023, Công ty đã trích quỹ khen thưởng khách hàng với tỷ lệ 2% lợi nhuận sau thuế, tương đương 1.680.629.068 đồng.
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ là 10%, tương đương 64.638.120.000 đồng (6.463.812 cổ phần). Tại ngày 25 tháng 7 năm 2024, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã thông qua quyết định chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch đối với cổ phiếu phát hành để trả cổ tức với tỷ lệ 10% theo đúng Nghị Quyết số 16 nói trên.

Cũng theo Nghị Quyết số 16 nói trên, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án dự kiến phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 như sau:

- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 6% lợi nhuận sau thuế. Căn cứ mức độ hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch trong năm, Công ty đã tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 6% lợi nhuận sau thuế, tương đương 4.892.211.639 đồng.
- Trích lập quỹ khen thưởng khách hàng với tỷ lệ 2% lợi nhuận sau thuế. Căn cứ mức độ hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch trong năm, Công ty đã tạm trích quỹ khen thưởng khách hàng với tỷ lệ 2% lợi nhuận sau thuế, tương đương 1.630.737.213 đồng.
- Ngân sách hoạt động (thù lao, thưởng, các lợi ích và các chi phí khác) của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát với tỷ lệ 5% lợi nhuận trước thuế nhưng không thấp hơn 4,6 tỷ đồng.

Số liệu cuối cùng về phân phối kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 sẽ được các cổ đông của Công ty phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.

Đặng Thùy Trang	**Phan Tấn Thư**
Kế toán trưởng – Người lập	**Tổng Giám đốc**
	Ngày 28 tháng 3 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 4 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh lần gần nhất số 66/GPĐC-UBCK ngày 29 tháng 8 năm 2024.

Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là BMS, theo Quyết định số 492/QĐ-SGDHN ngày 01 tháng 8 năm 2018. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ được phê duyệt của Công ty là 711.114.250.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 646.476.130.000 đồng).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 40 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 38 người).

Công ty có trụ sở làm việc tại Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, 34A Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động của Công ty được ban hành ngày 10 tháng 7 năm 2024.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán

Công ty thực hiện theo Điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC ("Điều 28 Thông tư 121") do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư, theo đó:

1. Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
2. Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán, được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;

b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;

c) Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

d) Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;

e) Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;

f) Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

5. Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c, d và đ Khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;

b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt 180%;

c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này và Điểm e Khoản 4 Điều này.

6. Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn 01 năm.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210"), các sửa đổi bổ sung theo Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 ("Thông tư 07") và Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Các thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN MỚI

Thông tư số Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 68/2024/TT-BTC ("Thông tư 68") quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Thông tư 68 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2024.

Hướng dẫn mới đã ban hành nhưng chưa áp dụng

Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, Quốc hội đã ban hành Luật số 56/2024/QH15 ("Luật số 56"), trong đó có sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán. Luật số 56 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, trừ một số điều khoản có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 và ngày 01 tháng 01 năm 2026.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán khi thực hiện các giao dịch khớp lệnh tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận theo giá gốc là giá mua thực tế hoặc giá khớp lệnh mua và được đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch đánh giá lại phát sinh sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí từ tài sản tài chính FVTPL trên Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty.

Chi phí mua tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh. Khi bán, giá vốn của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm bán.

Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ theo giá thị trường so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ". Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ theo giá thị trường so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ".

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phái sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) hoặc nhóm tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính năm. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán; hoặc không được phân loại là các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty, trừ trường hợp tài sản tài chính là công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy, tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được thực hiện theo hình thức hợp đồng giao dịch ký quỹ hay hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán. Theo đó, nhà đầu tư có tài khoản chứng khoán tại Công ty sẽ được sử dụng hạn mức tín dụng do Công ty cấp để mua cổ phiếu và thế chấp cổ phiếu làm tài sản đảm bảo cho khoản vay.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay và số dư của khoản vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Hợp đồng hợp tác đầu tư

Hợp đồng hợp tác đầu tư là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Các Hợp đồng hợp tác đầu tư này được hạch toán căn cứ vào bản chất của từng hợp đồng theo quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các tài sản tài chính có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo quy định hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Giá thị trường/ hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

+ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

+ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm đánh giá lại do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

+ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

+ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

+ Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc thiết bị	3 – 7
Phương tiện vận tải	3 – 6
Thiết bị văn phòng	1 – 6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ ba đến năm năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các thiết bị bảo mật và các chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng từ hai đến ba năm.

Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích huy động vốn ngắn hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu công (+) Phụ trội trái phiếu.

Ghi nhận doanh thu

Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của Công ty (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty có quyền nhận khoản lãi; lãi đầu tư trái phiếu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích).

Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

Doanh thu lãi thu được từ hoạt động giao dịch ký quỹ và hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

Hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi thực thu.

Hoạt động tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động của năm tài chính khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi thực thu.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi tại Quỹ hỗ trợ thanh toán được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động của năm tài chính vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí chịu thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động và chỉ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu là vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc các khoản khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính và khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến phần đánh giá tăng so với giá gốc của tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL hoặc khác của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty ngoài các khoản đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Theo quy định tại Thông tư số 114/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 17 tháng 12 năm 2021, các quỹ dự trữ sẽ được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông nhằm đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Chia cổ tức

Cổ tức công bố của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông (ngoại trừ cổ tức được chi trả bằng cổ phiếu, được ghi nhận khi thực tế phát sinh chi trả cổ phiếu).

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp dịch vụ và đầu tư (bộ phận chia theo hoạt động), hoặc cung cấp dịch vụ và đầu tư trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	95.806.139	217.620.089
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán	506.069.829.970	243.071.045.987
	506.165.636.109	**243.288.666.076**

6. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm
	Cổ phiếu	VND
Của công ty chứng khoán	**176.724.396,72**	**11.536.388.719.820**
Cổ phiếu và trái phiếu	171.625.114	11.472.477.859.820
Chứng chỉ quỹ	5.099.282,72	63.910.860.000
Của nhà đầu tư	**730.263.374**	**12.751.018.478.310**
Cổ phiếu và trái phiếu	730.263.374	12.751.018.478.310
	906.987.770,72	**24.287.407.198.130**

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	**245.231.279.205**	**335.999.670.231**	**246.254.494.368**	**290.473.907.580**
- NAB (i)	*113.911.986.716*	*162.397.205.850*	*117.060.176.290*	*117.440.165.150*
- DBD (ii)	*117.299.655.000*	*162.115.200.000*	-	-
- C47	*13.002.307.006*	*10.297.026.000*	*13.002.307.006*	*12.013.197.000*
- EIB	*902.290.244*	*1.061.673.700*	*116.039.198.525*	*160.857.851.000*
Cổ phiếu khác	*115.040.239*	*128.564.681*	*152.812.547*	*162.694.430*
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	**157.689.852.695**	**157.689.852.695**	**1.923.400**	**1.923.400**
Công cụ thị trường tiền tệ	**120.000.000.000**	**120.000.000.000**	-	-
Tiền gửi ngân hàng	*100.000.000.000*	*100.000.000.000*	-	-
Chứng chỉ tiền gửi (iii)	*20.000.000.000*	*20.000.000.000*	-	-
Chứng chỉ quỹ (iv)	**63.910.860.000**	**64.036.852.504**	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	**201.700.000.000**	**201.700.000.000**
	586.831.991.900	**677.726.375.430**	**447.956.417.768**	**492.175.830.980**

(i) Như trình bày tại Thuyết minh 14, bao gồm 6.900.000 Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Nam Á với giá trị thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 110.055.000.000 đồng được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh HCM.

(ii) Thể hiện 2.814.500 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định - Tổ chức liên quan của người nội bộ của Công ty, mà Công ty mua trong năm thông qua phương thức khớp lệnh và thỏa thuận.

(iii) Chứng chỉ tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") được phong tỏa để đảm bảo cho khoản vay thấu chi theo thỏa thuận tại hợp đồng cấp hạn mức thấu chi giữa Công ty và BIDV.

(iv) Thể hiện 2.899.869,82 chứng chỉ quỹ của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Lighthouse và 2.199.413,9 chứng chỉ quỹ của Quỹ Đầu tư Năng Động Lighthouse - Tổ chức liên quan của người nội bộ của Công ty, mà Công ty mua trong năm thông qua phương thức khớp lệnh thông qua VSD.

7.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu chưa niêm yết	359.000.000.000	359.000.000.000	-	-
Trái phiếu niêm yết	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
	459.000.000.000	**459.000.000.000**	-	-

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM") bao gồm Trái phiếu chưa niêm yết và Trái phiếu niêm yết của các Tổ chức tín dụng với kỳ hạn gốc từ 06 năm đến 07 năm, lãi suất từ 7,45%/năm đến 7,7%/năm. Như trình bày tại Thuyết minh 14, Giá trị hợp lý của các Trái Phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 với tổng giá trị là 360.000.000.000 đồng được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh HCM.

7.3 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Gốc cho vay giao dịch ký quỹ (*)	22.956.780.708	-	22.956.780.708	3.641.652.645	3.641.652.645	-
Gốc ứng trước tiền bán chứng khoán (**)	32.885.352.247	-	32.885.352.247	250.663.565	-	250.663.565
Các khoản cho vay	**55.842.132.955**	**-**	**55.842.132.955**	**3.892.316.210**	**3.641.652.645**	**250.663.565**

(*) Gốc cho vay giao dịch ký quỹ

Cho vay giao dịch ký quỹ là số dư của các hợp đồng giao dịch ký quỹ. Chứng khoán của nhà đầu tư tham gia vào giao dịch ký quỹ được Công ty giữ như tài sản cầm cố cho khoản vay này của nhà đầu tư với Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị mệnh giá của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ là 7.000.000.000 đồng, giá trị thị trường của các chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản vay giao dịch ký quỹ là 44.380.000.000 đồng

(**) Gốc ứng trước tiền bán chứng khoán

Tạm ứng giao dịch chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là số tiền bán ứng trước cho khách hàng tại ngày giao dịch ("ứng tiền ngày T"). Các khoản tạm ứng này có thời hạn hoàn trả trong 02 ngày làm việc và Công ty được hưởng lãi suất 0,0305%/ngày. Giá trị phân bổ của khoản tạm ứng giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc niên độ kế toán bằng giá trị gốc do thời gian thu hồi ngắn. Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định trên cơ sở giá trị có thể thu hồi của các khoản cho vay này.

7.4 Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị thị trường cuối năm

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

STT	Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
				Tăng	Giảm	
I.	**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ**					
1.	Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch	245.231.279.205	335.999.670.231	93.507.043.186	2.738.652.160	335.999.670.231
2.	Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	157.689.852.695	157.689.852.695	-	-	157.689.852.695
3.	Công cụ thị trường tiền tệ	120.000.000.000	120.000.000.000	-	-	120.000.000.000
4.	Chứng chỉ quỹ	63.910.860.000	64.036.852.504	125.992.504	-	64.036.852.504
		586.831.991.900	**677.726.375.430**	**93.633.035.690**	**2.738.652.160**	**677.726.375.430**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

STT	Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
				Tăng	Giảm	
I.	**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ**					
1.	Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch	246.254.494.368	290.473.907.580	45.244.528.634	1.025.115.422	290.473.907.580
2.	Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	1.923.400	1.923.400	-	-	1.923.400
3.	Trái phiếu chưa niêm yết	201.700.000.000	201.700.000.000	-	-	201.700.000.000
		447.956.417.768	**492.175.830.980**	**45.244.528.634**	**1.025.115.422**	**492.175.830.980**

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản phải thu	**13.293.973.474**	**370.644.465.543**
Phải thu bán tài sản tài chính	-	***370.644.465.543***
Phải thu bán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (*)	-	370.644.465.543
Phải thu về dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	***13.293.973.474***	-
Dự thu tiền lãi trái phiếu chưa niêm yết	*7.395.671.231*	-
Dự thu tiền lãi trái phiếu niêm yết	*5.715.068.493*	-
Dự thu tiền lãi: tiền gửi có kỳ hạn	*154.520.548*	-
Dự thu tiền lãi giấy tờ có giá	*21.698.630*	-
Dự thu tiền lãi hoạt động margin	*7.014.572*	-
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	**604.000**	**120.000.000**
Phải thu hoạt động tư vấn	-	120.000.000
Phải thu dịch vụ khác	604.000	-
	13.294.577.474	**370.764.465.543**

(*) Số dư đầu năm thể hiện các khoản phải thu từ việc bán trái phiếu. Trong năm, Công ty đã thu hồi toàn bộ các khoản phải thu này.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản phải thu khác chưa quá hạn thanh toán và vẫn có khả năng thu hồi nên Công ty không cần trích lập dự phòng theo các quy định kế toán hiện hành.

9. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
Tiền cọc thuê văn phòng (i)	690.978.600	-
	690.978.600	-
Dài hạn		
Tiền cọc thuê văn phòng (ii)	26.900.000.000	690.978.600
Khác	739.000.000	5.000.000
	27.639.000.000	**695.978.600**

(i) Tiền cọc thuê văn phòng ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 thể hiện khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng tại lầu 1 và lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, 34A Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Các phụ lục hợp đồng thuê văn phòng được ký cho thời hạn 08 năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2022 đến ngày 08 tháng 5 năm 2025.

(ii) Tiền cọc thuê văn phòng dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 thể hiện khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng cho thời gian thuê dự kiến là 12 năm kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng này sẽ được chuyển thành tiền thuê văn phòng trả trước và cấn trừ dần với tiền thuê văn phòng hàng năm trong suốt thời hạn thuê.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	1.916.412.006	4.998.796.400	5.856.199.662	12.771.408.068
Tăng trong năm	-	3.300.000.000	-	3.300.000.000
Thanh lý trong năm	-	(4.998.796.400)	-	(4.998.796.400)
Số dư cuối năm	**1.916.412.006**	**3.300.000.000**	**5.856.199.662**	**11.072.611.668**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	1.696.402.588	2.679.656.378	5.079.273.469	9.455.332.435
Tăng trong năm	94.139.025	725.496.980	289.225.488	1.108.861.493
Thanh lý trong năm	-	(3.384.454.433)	-	(3.384.454.433)
Số dư cuối năm	**1.790.541.613**	**20.698.925**	**5.368.498.957**	**7.179.739.495**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	**220.009.418**	**2.319.140.022**	**776.926.193**	**3.316.075.633**
Tại ngày cuối năm	**125.870.393**	**3.279.301.075**	**487.700.705**	**3.892.872.173**

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 6.257.610.268 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 7.559.296.668 đồng).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	12.652.525.440
Tăng trong năm	1.975.000.000
Số dư cuối năm	**14.627.525.440**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	11.578.012.742
Tăng trong năm	500.615.736
Số dư cuối năm	**12.078.628.478**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	**1.074.512.698**
Tại ngày cuối năm	**2.548.896.962**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 11.152.525.440 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.557.365.440 đồng).

12. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Theo quy định hiện hành của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mới giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ đồng đối với thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	4.031.620.369	3.822.557.041
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.219.930.444	980.470.060
	5.371.550.813	**4.923.027.101**

13. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu về hợp tác đầu tư (i)	8.100.000.000	-
	8.100.000.000	-

(i) Thể hiện khoản góp vốn đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư SB Space Holding theo Hợp đồng Hợp tác số 16/2024-BMSC/HDHT ký ngày 30 tháng 12 năm 2024 ("Hợp đồng hợp tác 16") và các phụ lục hợp đồng sửa đổi bổ sung của Hợp đồng hợp tác 16. Chính sách kế toán đối với khoản hợp tác đầu tư này được trình bày tại Thuyết minh số 4.

14. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Trong năm		Số cuối năm
	VND	VND		VND
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thương Tín – Chi nhánh HCM (i)	300.000.000.000	525.240.000.000	299.000.000.000	426.240.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
	300.000.000.000	**525.240.000.000**	**399.000.000.000**	**426.240.000.000**

(i) Thể hiện số dư vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín – Chi nhánh HCM theo hợp đồng vay hạn mức tín dụng có thời hạn 12 tháng từ ngày 25 tháng 3 năm 2024 đến 25 tháng 3 năm 2025 với tổng hạn mức tín dụng 500.000.000.000 đồng để tài trợ vốn lưu động phục vụ kinh doanh trái phiếu Chính phủ. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ và được đảm bảo bằng Trái Phiếu do Tổ chức tín dụng phát hành với tổng giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 360.000.000.000 đồng (bao gồm 260.000.000.000 đồng trái phiếu chưa niêm yết và 100.000.000.000 trái phiếu niêm yết) và cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 110.055.000.000 đồng.

15. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH NGẮN HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, trái phiếu phát hành ngắn hạn bao gồm: (i) 2.600 trái phiếu được phát hành riêng lẻ lần 1, có kỳ hạn là 13 tháng từ ngày 21 tháng 6 năm 2024 đến ngày 21 tháng 7 năm 2025, với lãi suất cố định là 9,5%/năm cho toàn bộ kỳ hạn của trái phiếu, không có tài sản đảm bảo và gốc, lãi trái phiếu được thanh toán vào ngày đáo hạn; (ii) 1.500 trái phiếu được phát hành riêng lẻ lần 2, có kỳ hạn là 12 tháng từ ngày 16 tháng 9 năm 2024 đến ngày 16 tháng 9 năm 2025, với lãi suất cố định là 10%/năm, không có tài sản đảm bảo và gốc, lãi trái phiếu được thanh toán vào ngày đáo hạn. Các trái phiếu này có mệnh giá là 100.000.000 đồng/trái phiếu. Mục đích phát hành nhằm cơ cấu lại các khoản nợ của Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có phát sinh các khoản phát hành trái phiếu.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải thu/phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/trả trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.188.451.832	10.413.779.065	4.544.045.769	1.318.718.536
b. Các khoản phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	10.562.903.664	21.164.747.095	27.843.300.108	3.884.350.651
Thuế giá trị gia tăng	105.663.181	1.917.788.240	1.818.889.129	204.762.292
	10.668.566.845	**23.082.535.335**	**29.661.989.237**	**4.089.112.943**

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi trái phiếu	17.525.479.451	-
Chi phí lãi vay	154.100.357	1.223.013.699
Chi phí dịch vụ mua ngoài	598.338.047	1.282.159.251
	18.277.917.855	**2.505.172.950**

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả về giao dịch chứng khoán (i)	-	44.564.871.351
Phải trả cổ tức cho cổ đông Công ty	2.515.084.100	2.595.011.700
Phải trả khác	14.877.500	12.184.806
	2.529.971.600	**47.172.067.857**

(i) Thể hiện khoản phải trả nhà đầu tư liên quan đến các hợp đồng trái phiếu. Trong năm, Công ty đã tất toán các khoản phải trả về giao dịch chứng khoán này cho nhà đầu tư liên quan đến các hợp đồng trái phiếu.

19. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

	Chênh lệch do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL
	VND
Tại ngày đầu năm trước	**1.425.703.830**
Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm (Thuyết minh 26)	(10.269.586.472)
Tại ngày cuối năm trước	**(8.843.882.642)**
Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm (Thuyết minh 26)	(9.334.994.064)
Tại ngày cuối năm nay	**(18.178.876.706)**

20. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm	Số đầu năm
Được phép phát hành và đã góp vốn đủ		
Số lượng (cổ phần)	71.111.425	64.647.613
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (VND)	**711.114.250.000**	**646.476.130.000**

Toàn bộ cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông. Mỗi cổ phần phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả các cổ phần phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 66/GPDC-UBCK ngày 29 tháng 8 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 711.114.250.000 đồng. Danh sách các Cổ đông chính của Công ty nắm giữ 5% cổ phần của Công ty trở lên và các Cổ đông khác tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Cổ phiếu	%	VND	Cổ phiếu	%	VND
Cổ đông lớn (Thuyết minh 31)	**49.793.783**	**70**	**497.937.830.000**	**45.267.077**	**70**	**452.670.770.000**
Công ty Cổ phần Rồng Ngọc	*17.067.441*	*24*	*170.674.410.000*	*15.515.856*	*24*	*155.158.560.000*
Công ty cổ phần Long An Solar Park	*16.370.044*	*23*	*163.700.440.000*	-	-	-
Bà Trương Thị Mỹ An	*16.356.298*	*23*	*163.562.980.000*	*14.869.362*	*23*	*148.693.620.000*
Ông Dương Tiến Dũng	-	-	-	*14.881.859*	*23*	*148.818.590.000*
Các Cổ đông khác	**21.317.642**	**30**	**213.176.420.000**	**19.380.536**	**30**	**193.805.360.000**
Tổng cộng	**71.111.425**	**100**	**711.114.250.000**	**64.647.613**	**100**	**646.476.130.000**

21. THUYẾT MINH CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

21.1 Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	176.956.084.838	41.968.074.799
	176.956.084.838	**41.968.074.799**

21.2 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	2.047.121.659	1.944.626.749
	2.047.121.659	**1.944.626.749**

21.3 Phải trả Nhà đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	176.956.084.838	41.968.074.799
	176.956.084.838	**41.968.074.799**

21.4 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2.047.121.659	1.944.626.749
	2.047.121.659	**1.944.626.749**

21.5 Nợ khó đòi đã xử lý

Trong năm, Công ty đánh giá số dư liên quan đến khoản cho vay giao dịch ký quỹ với số tiền là 3.641.652.645 đồng phát sinh từ năm 2012 (Thuyết minh 7.3) là không thể thu hồi được nên đã trình và được Hội đồng quản trị thông qua việc thực hiện ghi giảm toàn bộ giá trị khoản cho vay giao dịch ký quỹ nói trên bằng nguồn dự phòng phải thu khó đòi đã được trích lập dự phòng 100% từ năm 2014 theo đúng quy định kế toán hiện hành.

22. DOANH THU

22.1 Lãi/(lỗ) từ việc bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	64.315.417.416	98.315.926.432
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	(9.723.152.092)	(62.690.390.402)
	54.592.265.324	**35.625.536.030**

Chi tiết lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi bán năm nay	Lãi bán năm trước
	Lãi bán					
1.	Cổ phiếu	53.661.602	951.267.222.520	920.005.263.868	31.261.958.652	4.371.315.809
2.	Trái phiếu	29.332.931	4.602.262.530.000	4.580.384.020.000	21.878.510.000	30.484.840.506
3.	Chứng chỉ tiền gửi	-	55.138.047.950	54.548.547.950	611.198.630	769.379.715
4.	Tiền gửi ngân hàng	-	279.840.598.042	279.000.000.000	840.598.042	-
		82.994.533	**5.888.508.398.512**	**5.833.937.831.818**	**54.592.265.324**	**35.625.536.030**

22.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	133.877.560.254	111.422.745.828
Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(87.202.589.936)	(60.074.813.467)
	46.674.970.318	**51.347.932.361**

Chi tiết chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

STT	Tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán năm nay
I.	**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ FVTPL**	**586.831.991.900**	**677.726.375.430**	**90.894.383.530**	**44.219.413.212**	**46.674.970.318**
1.	Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch	245.231.279.205	335.999.670.231	90.768.391.026	44.219.413.212	46.548.977.814
2.	Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	157.689.852.695	157.689.852.695	-	-	-
3.	Công cụ thị trường tiền tệ	120.000.000.000	120.000.000.000	-	-	-
4.	Chứng chỉ quỹ	63.910.860.000	64.036.852.504	125.992.504	-	125.992.504
		586.831.991.900	**677.726.375.430**	**90.894.383.530**	**44.219.413.212**	**46.674.970.318**

22.3 Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	16.768.248.904	98.728.574.008
Từ tài sản tài chính HTM	27.157.205.810	-
Từ các khoản cho vay và phải thu	2.259.695.860	230.579.277
	46.185.150.574	**98.959.153.285**

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	27.898.694.320	5.152.224.535
Lãi trái phiếu	17.965.479.451	-
	45.864.173.771	**5.152.224.535**

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	19.139.864.823	18.734.990.618
- Lương và các khoản phúc lợi	*17.703.138.083*	*17.441.111.841*
- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	*1.436.726.740*	*1.293.878.777*
Chi phí khấu hao TSCĐ	362.335.897	352.964.935
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.784.713.247	7.670.054.690
Chi phí khác	200.000.000	-
	29.489.913.967	**26.761.010.243**

25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

25.1 Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu tiền phạt chậm thanh toán hợp đồng	2.538.206.574	8.409.303.843
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	399.294.396	-
Khác	59.528.277	31.356.000
	2.997.029.247	**8.440.659.843**

25.2 Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm các chi phí tiền phạt vi phạm hành chính và các chi phí khác.

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.413.779.065	11.272.176.398
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Thuyết minh 19)	9.334.994.064	10.269.586.472
	19.748.773.129	**21.541.762.870**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	101.285.633.775	105.573.216.256
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế liên quan đến các khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	*(48.629.058.880)*	*(51.347.932.361)*
Các khoản điều chỉnh (giảm)/tăng thu nhập chịu thuế	*(587.679.570)*	*2.135.508.095*
Thu nhập tính thuế	**52.068.895.325**	**56.360.881.990**
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	10.413.779.065	11.272.176.398
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**10.413.779.065**	**11.272.176.398**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ VÀ THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

27.1 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Tổng Giám đốc nhận định rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về khu vực địa lý.

27.2 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024				
	Môi giới và lưu ký chứng khoán	Tự doanh	Tư vấn tài chính	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu	33.037.463.755	242.118.432.384	16.483.185.250	678.099.253	292.317.180.642
Chi phí	(9.622.309.587)	(102.667.059.625)	(6.231.995.826)	(499.785.555)	(119.021.150.593)
	23.415.154.168	**139.451.372.759**	**10.251.189.424**	**178.313.698**	**173.296.030.049**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023				
	Môi giới và lưu ký chứng khoán	Tự doanh	Tư vấn tài chính	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu	7.156.364.212	308.467.246.268	6.252.846.341	707.783.008	322.584.239.829
Chi phí	(5.961.571.367)	(181.905.397.229)	(5.681.463.981)	-	(193.548.432.577)
	1.194.792.845	**126.561.849.039**	**571.382.360**	**707.783.008**	**129.035.807.252**

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	81.536.860.646	84.031.453.386
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(6.522.948.852)	(5.882.201.737)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**75.013.911.794**	**78.149.251.649**
Bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (**)	71.111.425	71.111.425
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.055**	**1.099**

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành dùng để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày lại dựa trên Nghị quyết số 16/2024-BMSC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

(**) Bao gồm 6.463.812 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023 theo Thông báo thay đổi số lượng cổ phần có quyền biểu quyết ngày 24 tháng 6 năm 2024. Do đó, cho mục đích tính toán chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu, số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân cho năm 2023 đã được điều chỉnh lại phù hợp.

Trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước

Công ty đã có thông báo thay đổi số lượng cổ phần có quyền biểu quyết từ việc phát hành 6.463.812 cổ phiếu, tương đương 646.381.120.000 đồng để trả cổ tức được lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023. Do đó, Công ty đã trình bày lại chỉ tiêu lỗ cơ bản trên cổ phiếu năm trước như sau:

	Số lượng cổ phiếu bình quân VND	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số đã báo cáo	64.647.613	1209
Ảnh hưởng của việc tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu	6.463.812	(110)
Số đã điều chỉnh lại	**71.111.425**	**1.099**

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động của Công ty.

Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết ví dụ như xác định rủi ro và đo lường rủi ro, giới hạn đầu tư và chiến lược đầu tư. Chính sách quản trị rủi ro tài chính được xem xét và điều chỉnh thường xuyên nhằm đối phó với biến động và xu hướng của thị trường.

Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính. Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Tổng Giám đốc xem xét.

Những thông tin sau đây được trình bày dựa trên những thông tin đánh giá từ Tổng Giám đốc.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và tài sản khác.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

- Rủi ro lãi suất

  Công ty có rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải chịu lãi suất. Hiện tại Công ty ghi nhận các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính theo nguyên tắc giá gốc trừ các dự phòng giảm giá, do vậy, Công ty chỉ có rủi ro về luồng tiền đối với các khoản lãi suất phải thu/phải trả. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty.

  Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều có lãi suất cố định và thời hạn ngắn, nên rủi ro do lãi suất biến động là không đáng kể.

- Rủi ro tiền tệ

  Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi suất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là Đồng, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam, do đó rủi ro tiền tệ không đáng kể.

- Rủi ro về giá chứng khoán

  Các cổ phiếu, trái phiếu do Công ty nắm giữ trong danh mục tài sản tài chính bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các khoản mục đầu tư này. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào chứng khoán.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Quản trị nguồn vốn

Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập định kỳ hàng tháng và tuân thủ theo quy định trong Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 ("Thông tư 91") có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2021. Thông tư 91 quy định cách tính chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Theo Thông tư 91, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty là 252,9% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 408,1%).

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm	3.726.472.824	2.797.487.865

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.433.345.108	2.763.914.400
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.382.400.000	829.851.750
	2.815.745.108	**3.593.766.150**

Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm tiền thuê văn phòng và thuê xe. Trong đó:

(i) Cam kết thuê hoạt động thể hiện khoản phải trả tiền thuê văn phòng cho 165m² lầu 1 và 225 m² lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, 344 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Các phụ lục hợp đồng thuê văn phòng được ký cho thời hạn 03 năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2022 đến ngày 08 tháng 5 năm 2025; và

(ii) Cam kết khoản phải trả tiền thuê xe Volkswagen trong thời hạn 05 năm kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2024.

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Rồng Ngọc	Tổ chức sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Long An Solar Park	Tổ chức sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết (từ ngày 19 tháng 12 năm 2024)
Bà Trương Thị Mỹ An	Cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phiếu
Ông Dương Tiến Dũng	Cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phiếu (đến ngày 19 tháng 12 năm 2024)
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1	Tổ chức liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định	Tổ chức liên quan của người nội bộ
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Lighthouse	Tổ chức liên quan của người nội bộ
Quỹ Đầu tư Năng Động Lighthouse	Tổ chức liên quan của người nội bộ

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1	300.000.000	180.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu		
Công ty Cổ phần Rồng Ngọc	15.515.850.000	8.782.560.000
Ông Dương Tiến Dũng	14.881.850.000	8.416.620.000
Bà Trương Thị Mỹ An	14.869.360.000	8.423.690.000

Công ty có các số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Số dư vốn góp của Cổ đông lớn (Thuyết minh 20)	**497.957.830.000**	**452.670.770.000**

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát:

Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc

Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Ông Thiều Hữu Chung	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	1.893.600.000	1.751.288.888
Ông Trần Ngô Phúc Bảo	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị/Cố vấn	2.952.260.018	2.690.592.505
Ông Phan Tấn Thư	Tổng Giám đốc/Thành viên Hội đồng Quản trị	3.853.820.852	3.345.757.006
Ông Hoàng Văn Thắng	Thành viên Hội đồng Quản trị	360.000.000	1.080.320.000
Ông Đỗ Văn Hạ	Thành viên Hội đồng Quản trị	120.000.000	80.000.000
Bà Trần Thị Thanh Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2023)	-	40.000.000
Ông Đào Văn Chiêu	Thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2023)	-	20.000.000
		9.179.680.870	**9.007.958.399**

Ban kiểm soát

Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Bà Nguyễn Thy Phương	Trưởng Ban	120.000.000	80.000.000
Bà Mộc Thị Lan Uyên	Thành viên	48.000.000	44.000.000
Bà Trương Thị Bích Ngân	Thành viên	48.000.000	32.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Thọ	Trưởng Ban (miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2023)	-	20.000.000
Ông Phạm Lê Quang Minh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2023)	-	12.000.000
		216.000.000	**188.000.000**

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần được xem xét để điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Đặng Thùy Trang	**Phan Tấn Thư**
Kế toán trưởng – Người lập	**Tổng Giám đốc**
	Ngày 28 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2025

CTCP CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

S.G.P: 90 - C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH ★ QUẬN 3 - TP HỒ CHÍ MINH

PHAN TẤN THƯ

CTCP CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Địa chỉ: 34A Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 7306 8686 - 08 3824 7346

Email: info@bmsc.com.vn

Website: www.bmsc.com.vn